

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ

**Kính gửi : - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn
 - Mã chứng khoán: CLX
 - Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh
 - Điện thoại: 08.38547102 Fax: 08.38555682
 - Email: info@cholimex.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Thông báo mời họp và Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 25/03/2021 tại đường dẫn: <https://www.cholimex.vn/vi/dai-hoi-dong-co-dong/>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

*Đính kèm Thông báo mời họp và
Tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên
năm 2021*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC**



HUỲNH AN TRUNG

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2021

**THÔNG BÁO MỜI HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Trân trọng kính mời: Quý cổ đông

Đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2021.

1. Thời gian: 8 giờ 30 ngày 15 tháng 4 năm 2021 (Sáng Thứ Năm)

2. Địa điểm: Trung tâm Hội nghị 272 (Số 272 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP.HCM)

3. Chương trình họp và các tài liệu liên quan đến Đại hội:

Các tài liệu liên quan đến Đại hội được đăng tải trên website Công ty www.cholimex.com.vn mục "Cổ đông – Đại hội đồng cổ đông". Tài liệu bằng văn bản sẽ gửi cổ đông khi tham dự Đại hội.

4. Thành phần tham dự: Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) theo danh sách chốt ngày 15/3/2021.

5. Thời gian đăng ký và xác nhận tham dự Đại hội:

Để thuận tiện cho công tác tổ chức Đại hội, Quý cổ đông vui lòng xác nhận việc tham dự hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về Công ty trước 16 giờ 00 ngày 12/4/2021 bằng việc xác nhận tham dự/ủy quyền tham dự qua thư, thư điện tử, fax hoặc liên hệ trực tiếp theo địa chỉ dưới đây:

Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP.HCM

Điện thoại: 028. 38547102 – 0983.457.563 (Chị Hoa – P. Nhân sự Hành chính)

Fax: 028.38555682

Email: hanhchinh@cholimex.vn

Quý cổ đông lưu ý:

- Cổ đông trực tiếp tham dự hoặc không trực tiếp tham dự có thể ủy quyền cho người khác tham dự theo mẫu ủy quyền tham khảo đính kèm.

- Cổ đông dự Đại hội vui lòng mang theo *Thông báo mời họp, Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân/Hộ chiếu và Giấy ủy quyền (nếu là người được ủy quyền)* để làm thủ tục dự Đại hội.

Trân trọng thông báo./.



Trần Thị Thanh Nhân



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)



GIẤY ĐĂNG KÝ THAM DỰ/ỦY QUYỀN THAM DỰ, BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2021

I. Thông tin cổ đông:

Tên tổ chức/ cá nhân:

Mã cổ đông:

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ liên hệ:

Điện thoại:

Số cổ phần sở hữu: cổ phần.

Căn cứ Thông báo mời họp của Hội đồng quản trị, tôi xác nhận việc tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) như sau:

2. Trực tiếp tham dự Đại hội:

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên – đóng dấu nếu là tổ chức)

Ghi chú:

- Nếu cổ đông trực tiếp tham dự Đại hội, đề nghị đánh dấu vào ô **Trực tiếp tham dự Đại hội** và ký xác nhận vào **Mục 2** (không ký vào Mục 3)

- Nếu cổ đông ủy quyền cho người khác tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại hội, đề nghị điền đầy đủ thông tin về người được ủy quyền hoặc đánh dấu chọn một trong các thành viên HĐQT Công ty ở **Mục 3**, cổ đông và Người được ủy quyền ký xác nhận vào **Mục 3** (không ký vào Mục 2)

- Đề nghị Quý cổ đông gửi Giấy đăng ký tham dự/ Ủy quyền tham dự Đại hội này trước 16 giờ 00 ngày 12/4/2021 bằng hình thức gửi thư, thư điện tử, fax hoặc liên hệ trực tiếp theo địa chỉ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

Điện thoại: 028.38547102 – 0983.457.563 (chị Hoa – P. Nhân sự Hành chính)

Fax: 028.38555682

Email: hanhchinh@cholimex.vn

3. Ủy quyền tham dự và thực hiện các quyền của cổ đông tại Đại hội cho:

Ông/ Bà: Mã cổ đông (nếu có):

Số CMND/CCCD/Hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Hoặc Ủy quyền cho một trong các thành viên Hội đồng quản trị của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) có tên dưới đây:

- | | | | |
|--------------------------|------------------------|---|--------------------------------|
| <input type="checkbox"/> | Bà Trần Thị Thanh Nhân | - | Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| <input type="checkbox"/> | Ông Bùi Tuấn Ngọc | - | Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| <input type="checkbox"/> | Ông Huỳnh An Trung | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| <input type="checkbox"/> | Ông Nguyễn Quang Thanh | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| <input type="checkbox"/> | Ông Lê Duy Hiệp | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| <input type="checkbox"/> | Ông Bùi Minh Tuấn | - | Thành viên Hội đồng quản trị |
| <input type="checkbox"/> | Ông Võ Văn Thân | - | Thành viên Hội đồng quản trị |

Số cổ phần ủy quyền:

Được thay mặt tôi thực hiện các thủ tục tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung chương trình Đại hội.

Bên được ủy quyền có nghĩa vụ thực hiện đúng Quy chế làm việc của Đại hội.

Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) tổ chức ngày 15/4/2021.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên)

CỔ ĐÔNG

(Ký, ghi rõ họ tên - đóng dấu nếu là tổ chức)

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**



**TÀI LIỆU HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
NĂM 2021**

Tháng 4/2021



DANH MỤC

TÀI LIỆU HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Stt	Tài liệu
1	Thư mời họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
2	Tờ trình thông qua Chương trình; danh sách đoàn chủ tọa; Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (kèm theo Chương trình Đại hội)
3	Dự thảo Quy chế tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021
4	Báo cáo hoạt động kinh doanh đầu tư năm 2020 và kế hoạch kinh doanh đầu tư năm 2021 của Ban Tổng Giám đốc.
5	Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị.
6	Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2020.
7	Tờ trình v/v thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán.
8	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.
9	Tờ trình v/v thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021.
10	Báo cáo v/v phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.
11	Tờ trình v/v phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021.
12	Tờ trình v/v phê duyệt Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty. (Kèm theo các dự thảo)
13	Thông báo v/v tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026; Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 – 2026; Mẫu “Đơn đề cử”, “Đơn ứng cử”, “Sơ yếu lý lịch”
14	Phiếu biểu quyết
15	Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Số: 04 /TT- CHOLIMEX-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

**V/v thông qua Chương trình đại hội, danh sách
Đoàn chủ tọa và Ban kiểm phiếu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty;

Để chuẩn bị cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 15/4/2021, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các nội dung sau:

1. Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (đính kèm);
2. Danh sách Đoàn Chủ tọa: gồm các Ông, Bà có tên sau:
 - Bà Trần Thị Thanh Nhân - Chủ tịch HĐQT Công ty - Chủ tọa
 - Ông Bùi Tuấn Ngọc - Phó Chủ tịch HĐQT Công ty - Thành viên
 - Ông Huỳnh An Trung - Tổng Giám đốc Công ty - Thành viên
3. Danh sách Ban kiểm phiếu gồm các Ông, Bà có tên sau:
 - Ông Thân Ngọc Nghĩa - Giám đốc Kế hoạch Đầu tư Công ty - Trưởng ban
 - Bà Trần Thị Hạnh - Phó Giám đốc Kế toán Công ty - Phó Trưởng ban
 - Ông Nguyễn Công Hiếu - Trưởng phòng QT Đầu tư Công ty Transimex - Thành viên
 - Bà Lê Ngọc Phượng - Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc - Thành viên
 - Bà Hồ Phương Linh - Nhân viên P.TCKT Công ty - Thành viên
 - Ông Lê Hưng - Nhân viên P.KHĐT Công ty - Thành viên

Kính trình Hội đồng quản trị xem xét và thông qua./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (K)



Trần Thị Thanh Nhân

CHƯƠNG TRÌNH

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Thời gian: 8h30 ngày 15 tháng 4 năm 2021 (Thứ Năm)
Địa điểm: Trung tâm Hội nghị 272
Địa chỉ: 272 Võ Thị Sáu, Phường 7, Quận 3, TP.HCM



Thời gian	TT	Nội dung
8h00 – 8h30	I Công tác chuẩn bị:	
	1	Đón tiếp đại biểu và cổ đông
	2	Kiểm tra tư cách cổ đông và phát Thẻ biểu quyết
8h30 – 9h15	II Khai mạc:	
	1	Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và Ban Kiểm tra tư cách cổ đông
	2	Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội
	3	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Đoàn Chủ tọa, chỉ định Thư ký Đại hội
	4	Giới thiệu và biểu quyết thông qua Ban Kiểm phiếu
9h15 – 11h00	III Nội dung Đại hội:	
	1	a) Giới thiệu và biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội; b) Quy chế tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021
		2
	3	Báo cáo hoạt động năm 2020 và Kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị; Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020.
	4	Tờ trình về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
	5	Bầu cử Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021 - 2026
	6	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ năm 2020 đã kiểm toán
	7	Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020
	8	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020
	9	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021
	10	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021
	11	Các nội dung phát sinh khác (nếu có)
	12	Thảo luận và biểu quyết thông qua các nội dung xin ý kiến Đại hội
	13	Nghỉ giải lao 15 phút
	14	a) Công bố kết quả kiểm phiếu bầu HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 b) Ra mắt Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát c) Phát biểu của đại diện HĐQT, BKS
		15
16		Biểu quyết thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội
11h00	IV Bế mạc Đại hội	



QUY CHẾ
TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).
2. Quy chế này quy định quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đại diện cổ đông và các bên tham dự đại hội; điều kiện, thể thức tiến hành đại hội và biểu quyết thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch trong tổ chức Đại hội.
2. Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

1. “*Công ty*” là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).
2. “*Đại hội*” là Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

CHƯƠNG II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI THAM DỰ ĐẠI HỘI

Điều 4. Điều kiện tham dự Đại hội

1. Cổ đông là cá nhân, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm chốt quyền tham dự Đại hội được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại Đại hội;
- b) Ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại Đại hội.

Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền

Người được ủy quyền phải xuất trình văn bản ủy quyền trước khi vào tham dự Đại hội.

- c) Tham dự và biểu quyết thông qua bộ phiếu điện tử;

2. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền tham dự Đại hội không quyết định vượt quá phạm vi được ủy quyền.

3. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

Điều 5. Quyền của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho người khác tham dự Đại hội, chịu trách nhiệm đối với quyết định của người được ủy quyền trong phạm vi ủy quyền.

2. Cổ đông có quyền biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội theo quy định của Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

3. Được thông báo nội dung, chương trình Đại hội.

4. Được phát Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết hoặc được hướng dẫn bỏ phiếu điện tử sau khi đăng ký tham dự Đại hội với Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

Giá trị biểu quyết tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà người đó sở hữu hoặc đại diện theo đăng ký tham dự Đại hội trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các đại biểu có mặt tại Đại hội.

5. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền đến tham dự Đại hội sau khi Đại hội khai mạc vẫn có quyền đăng ký đề tham dự và biểu quyết những nội dung tiếp theo, Chủ tọa Đại hội không có trách nhiệm dừng Đại hội để chờ cổ đông đến muộn đăng ký. Hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không bị ảnh hưởng. Ban Kiểm phiếu có trách nhiệm cộng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đến muộn vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tại Đại hội để tính tỷ lệ thông qua các nội dung biểu quyết còn lại.

Điều 6. Nghĩa vụ của cổ đông khi tham dự Đại hội

1. Mang theo đầy đủ giấy tờ cần thiết theo quy định gồm:

a) Thông báo mời họp Đại hội;

b) Giấy CMND, hoặc thẻ căn cước, hoặc hộ chiếu (còn giá trị sử dụng).

c) Giấy đăng ký tham dự/ủy quyền tham dự.

d) Cổ đông chỉ được chính thức tham dự Đại hội và biểu quyết sau khi đã hoàn tất thủ tục đăng ký với Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

đ) Trường hợp cổ đông đã ủy quyền cho người khác nhưng vẫn tham dự Đại hội mà không có thông báo trước bằng văn bản về việc hủy ủy quyền thì không được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết hoặc hướng dẫn bỏ phiếu điện tử và tham dự Đại hội.

2. Nghiêm túc chấp hành Quy chế Đại hội, tôn trọng kết quả làm việc của Đại hội và sự điều hành của Chủ tọa Đại hội.

3. Trường hợp vì lý do cá nhân mà cổ đông phải rời khỏi Đại hội trước khi Đại hội tiến hành biểu quyết, cổ đông phải liên hệ Ban Kiểm phiếu để thông báo bằng văn bản ý kiến của mình đối với những nội dung biểu quyết tại Đại hội. Nếu cổ đông không thông báo thì được xem là tán thành với tất cả các nội dung biểu quyết tại Đại hội.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội

1. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội do Ban tổ chức chỉ định có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Kiểm tra tư cách tham dự của cổ đông dựa trên cơ sở hồ sơ tài liệu mà họ xuất trình và đối chiếu với quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

b) Phát cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông gồm: Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết hoặc hướng dẫn bỏ phiếu điện tử.

c) Hướng dẫn, bố trí chỗ ngồi cho cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông có đủ tư cách tham dự Đại hội.

d) Tổng hợp kết quả kiểm tra và báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội.

2. Trường hợp người đến dự Đại hội không có đầy đủ tư cách tham dự theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này thì Ban kiểm tra tư cách cổ đông có quyền từ chối cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết hoặc hướng dẫn bỏ phiếu điện tử.

Điều 8. Đoàn Chủ tọa và Thư ký Đại hội

1. Đoàn chủ tọa:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa; Chủ tọa cử một đến hai thành viên Hội đồng quản trị khác tham gia Đoàn chủ tọa, cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp. Đoàn Chủ tọa có chức năng điều khiển Đại hội.

Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

2. Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa Đại hội:

a) Thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Chủ tọa có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác;

b) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

c) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

d) Có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế

3013
CÔNG
CỐ P
HẬT NH
VÀ ĐÀ
CHỢ
CHOL
S-TPI

chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

Điều 9. Ban kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu do Chủ tọa đề nghị và được Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:
 - a) Hướng dẫn cách sử dụng Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết, bỏ phiếu điện tử;
 - b) Xác định tỷ lệ số cổ phần biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng nội dung thảo luận tại Đại hội.
3. Ban Kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu đã công bố.

CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THẺ THỨC TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 10. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp

Điều 11. Thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, bỏ phiếu điện tử

1. Thẻ biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội. Thẻ biểu quyết được ghi họ tên, mã số, số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm đếm chính xác, thuận tiện. Giá trị biểu quyết của Thẻ biểu quyết được xác định bằng số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông đó sở hữu hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội.
2. Phiếu biểu quyết được đóng dấu của Công ty do Ban kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội phát cho các cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội. Trên Phiếu biểu quyết in các nội dung chủ yếu sau: Họ tên cổ đông, số cổ phần biểu quyết, các vấn đề cần biểu quyết và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm đếm chính xác, thuận tiện.
3. Bỏ phiếu điện tử: Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền bỏ phiếu điện tử thay cho việc sử dụng Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn.

Điều 12. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, phải tiến hành đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc bầu Đoàn Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu được quy định theo Khoản 1, Điều 8 và Điều 9 của Quy chế này.
3. Chương trình và nội dung Đại hội phải được Đại hội thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình Đại hội.

4. Tất cả các nội dung trong chương trình của Đại hội đều phải thông qua lấy ý kiến biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự họp theo hình thức giơ Thẻ biểu quyết hoặc bằng Phiếu biểu quyết hoặc bằng bỏ phiếu điện tử.

a) Biểu quyết theo hình thức Phiếu biểu quyết hoặc Bỏ phiếu điện tử:

Biểu quyết các nội dung được trình tại Đại hội được thực hiện thông qua Phiếu biểu quyết hoặc bỏ phiếu điện tử. Các nội dung biểu quyết được ghi trong Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu điện tử sẽ được cổ đông/đại diện theo ủy quyền của cổ đông biểu quyết bằng việc lựa chọn phương án tán thành hoặc không tán thành hoặc không có ý kiến vào từng nội dung biểu quyết.

Việc biểu quyết đối với từng nội dung cần thông qua trong Phiếu biểu quyết hoặc Phiếu điện tử là độc lập với nhau và tính hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này không làm ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung biểu quyết khác.

Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

b) Biểu quyết theo hình thức giơ Thẻ biểu quyết:

Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội được thực hiện bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết được Đoàn Chủ tọa Đại hội công bố ngay tại Đại hội. Cổ đông biểu quyết cho từng vấn đề bằng cách giơ Thẻ biểu quyết của mình khi được Đoàn Chủ tọa hỏi tán thành, không tán thành và không có ý kiến về từng nội dung cụ thể. Trường hợp cổ đông không giơ Thẻ biểu quyết thì coi như tán thành.

Cổ đông chỉ được giơ Thẻ biểu quyết một lần đối với từng nội dung. Kết quả được Chủ tọa công bố sau khi biểu quyết.

Điều 13. Thảo luận và phát biểu ý kiến tại Đại hội

1. Căn cứ số lượng cổ đông tham dự và thời gian cho phép của Đại hội, Chủ tọa quyết định cách thức điều hành hợp lý. Cổ đông tham dự Đại hội được phát biểu ý kiến thảo luận, chất vấn bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết đề nghị được phát biểu và được Chủ tọa đồng ý hoặc điền phiếu câu hỏi gửi Đoàn Chủ tọa.

2. Trong cùng một thời điểm, chỉ có một cổ đông có quyền phát biểu. Trường hợp nhiều cổ đông có ý kiến cùng lúc thì Chủ tọa sẽ mời tuân tự từng cổ đông phát biểu ý kiến.

3. Cổ đông phát biểu ngắn gọn, tập trung vào nội dung đã được Đại hội thông qua trong phiên khai mạc.

4. Chủ tọa có quyền không trả lời hoặc chỉ ghi nhận các ý kiến đóng góp của cổ đông nếu các nội dung đóng góp, kiến nghị nằm ngoài nội dung xin ý kiến Đại hội.

5. Chủ tọa có quyền yêu cầu cổ đông dừng phát biểu khi cổ đông phát biểu quá thời gian quy định hoặc ý kiến nằm ngoài nội dung chương trình Đại hội, ý kiến trùng lặp.

Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội

1. Nghị quyết về nội dung "Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) – Bán sửa đổi lần thứ ba" được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành.

2. Nghị quyết về các nội dung khác theo Chương trình đại hội được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 4 Điều này.

Trường hợp phát sinh nội dung khác tại đại hội ngoài Chương trình đại hội, tỷ lệ biểu quyết thông qua căn cứ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.



3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên được thông qua tại Đại hội. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

Điều 15. Biên bản Đại hội

1. Nội dung diễn biến tổ chức Đại hội được lập thành Biên bản, Biên bản phải có các nội dung theo quy định tại Điều lệ Công ty. Chủ tọa Đại hội và Thư ký Đại hội chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của Biên bản Đại hội.

2. Biên bản Đại hội phải được công bố trước Đại hội và được Đại hội thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

3. Biên bản Đại hội, Biên bản kiểm tra tư cách cổ đông, Biên bản kiểm phiếu và các tài liệu khác ghi nhận diễn biến, kết quả của Đại hội phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản Đại hội phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi tới tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội.

5. Biên bản Đại hội là cơ sở để đưa ra Nghị quyết Đại hội.

Điều 16. Nghị quyết Đại hội

Căn cứ kết quả tại Đại hội, Chủ tọa chuẩn bị Nghị quyết Đại hội về các vấn đề đã được Đại hội thông qua. Nghị quyết của Đại hội phải được đọc tại Đại hội để các cổ đông thông qua, được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi tới tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc Đại hội.

CHƯƠNG IV. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17. Điều khoản thi hành

1. Chủ tọa Đại hội có trách nhiệm điều hành Đại hội theo quy định tại Quy chế này.

2. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định tại Quy chế này.

3. Các vấn đề phát sinh tại Đại hội chưa được quy định tại Quy chế này sẽ được điều chỉnh bởi Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 18. Hiệu lực của Quy chế

1. Quy chế này gồm bốn (04) Chương, mười tám (18) Điều, có hiệu lực ngay sau khi được trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự Đại hội biểu quyết thông qua.

2. Đại hội quyết định việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Số: 60/BC-CHOLIMEX-TGD

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu
và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex), tôi xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình hoạt động Kinh doanh – Đầu tư năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

PHẦN THỨ NHẤT

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH NĂM 2020

I. Đánh giá tình hình chung:

Trong giai đoạn đầu năm 2020, hoạt động kinh doanh của Công ty Cholimex gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19. Đến cuối năm 2020, Công ty Cholimex đã thực hiện vượt các chỉ tiêu kế hoạch của Đại hội cổ đông giao (căn cứ theo Nghị quyết số 01/NQ-CHOLIMEX-ĐHĐCĐ ngày 04/6/2020) như sau: doanh thu hợp nhất đạt 597,54 tỷ đồng, vượt 24,49% kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt 171,4 tỷ đồng, vượt 33,49% kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất sau thuế đạt 151,24 tỷ đồng, vượt 35,64% kế hoạch; lợi nhuận phân phối đạt 97,14 tỷ đồng, vượt 24,38% kế hoạch.

Để đạt được kết quả này, Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty thường xuyên giám sát tình hình hoạt động của Công ty và chỉ đạo các đơn vị trong hệ thống tích cực triển khai các giải pháp linh hoạt để ổn định hoạt động trong tình hình khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh.

II. Kết quả thực hiện:

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Tỷ lệ (%)
	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH (3=2/1)
A	1	2	3
1. Tổng doanh thu hợp nhất	480,00	597,54	124,49 %
2. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	128,40	171,40	133,49 %
3. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	111,50	151,24	135,64 %
4. Lợi nhuận phân phối	78,10	97,14	124,38 %

III. Hoạt động đầu tư:

1. Đầu tư dự án:

- Tiếp tục theo dõi kiến nghị về thủ tục đất đai và ý kiến các sở ngành về điều chỉnh công năng của Dự án Cao ốc Cholimex tại số 629B-631-633 Nguyễn Trãi.

- Tiếp tục giải quyết các trường hợp vướng mắc và quản lý ranh đất các thửa đất đã nhận chuyển nhượng tại Dự án KCN Vĩnh Lộc mở rộng (56ha), Dự án Khu dân cư – Tái định cư Vĩnh Lộc A (44ha).

- Dự án Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 3 (217ha): Trong năm 2020, Công ty Cholimex đã có báo cáo gửi Hepza về khả năng tiếp tục thực hiện dự án, trong đó đề xuất phương án quy hoạch dự án là 172,5ha (quy hoạch ban đầu là 217ha) cho phù hợp với hiện trạng khu vực dự án.

- Dự án Khu công nghiệp Vĩnh Lộc hiện hữu: tiếp tục phối hợp với địa phương làm việc với các hộ dân lấn chiếm đất và xây dựng trái phép trên đất đã được KCN Vĩnh Lộc đền bù. Trong năm 2020, Công ty Cholimex phối hợp với các cơ quan liên quan bàn giao ranh mốc thực hiện tuyến đường song song với đường số 7 và thực hiện kiểm đếm, xác định ranh giới cho dự án đường Nguyễn Anh Thủ có ảnh hưởng đến hạ tầng Khu công nghiệp.

- Về thay đổi phương án tiêu thụ sản phẩm lô D3 Khu lưu trú công nhân KCN Vĩnh Lộc, quận Bình Tân: tiếp tục chờ ý kiến các Sở, ban ngành theo chỉ đạo của UBND Tp. Hồ Chí Minh tại văn bản số 3229 UBND/ĐT ngày 05/8/2019 về việc giao các Sở, ban ngành, các đơn vị có liên quan rà soát, đánh giá lại toàn bộ những chính sách ưu đãi của dự án và xác định nghĩa vụ tài chính phát sinh do thay đổi phương án tiêu thụ sản phẩm Lô D3 (nếu có).

* **Các hạng mục đầu tư xây dựng tại Công ty Cholimex:** trong năm 2020, các công trình đã được triển khai thi công và đưa vào sử dụng gồm: Công trình cải tạo hệ nhận diện thương hiệu và vệ sinh vách kính văn phòng 1368 Võ Văn Kiệt và Công trình lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời trên mái nhà văn phòng 1368 Võ Văn Kiệt.

* **Các hạng mục đầu tư xây dựng tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc:** tiếp tục thực hiện thủ tục pháp lý và triển khai các dự án như: Dự án Mở rộng, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung KCN Vĩnh Lộc thêm công suất 2.500m³/ngày đêm; Dự án điện mặt trời áp mái tại KCN Vĩnh Lộc; Dự án Đầu tư xây dựng Nhà xưởng cho thuê lô L8.NX2.

2. Đầu tư tài chính dài hạn:

2.1 Vốn đầu tư:

Trong năm 2020, Công ty Cholimex đầu tư thêm 8,14 tỷ đồng vào các doanh nghiệp khác (góp thêm 2,59 tỷ đồng vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long và đầu tư mới 5,55 tỷ đồng vào Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc). Đồng thời, Công ty đã tiến hành điều chỉnh tăng vốn đầu tư 16,32 tỷ đồng do đánh giá lại các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm chính thức chuyển thể sang công ty cổ phần (15/7/2016).

Đến cuối năm 2020, Công ty Cholimex còn đang góp vốn vào 9 doanh nghiệp (không bao gồm Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc) với tổng vốn góp là 506,08 tỷ đồng. Chi tiết như sau:

Stt	Doanh nghiệp có vốn góp	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Vốn đầu tư của Cholimex	
			Giá trị thực (*) (Tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)
1	CTCP Thực phẩm Cholimex	81,00	296,82	40,72
2	CTCP Tanimex	300,00	174,07	20,05
3	CTCP Logistics Vĩnh Lộc	268,00	5,55	35,50
4	CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long	350,00	19,36	10,00
5	CTCP Đầu tư Xây dựng Khu công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức	120,00	3,48	10,00
6	CTCP May Cholimex	15,30	-	48,84
7	CTCP Đầu tư Xây dựng Cholimex	30,00	2,38	18,34
8	CTCP Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành	68,00	4,42	26,00
9	CTCP Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn	13,00	-	15,38
Tổng cộng			506,08	

(*): Số liệu cập nhật theo Báo cáo kiểm toán quyết toán giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành CTCP của Công ty Cholimex.

2.2 Hiệu quả đầu tư

Công ty Cholimex hiện đang đầu tư 506,08 tỷ đồng vào 9 công ty cổ phần. Cổ tức ghi nhận trong năm 2020 là 33,93 tỷ đồng, bằng 6,71% vốn đầu tư. Trong đó cổ tức của Công ty CP Thực phẩm Cholimex là 16,49 tỷ đồng (50% mệnh giá, tương đương 5,56% vốn đầu tư); cổ tức Công ty CP Tanimex là 15,04 tỷ đồng (25% mệnh giá, tương đương 8,64% vốn đầu tư); cổ tức của KCN Vĩnh Lộc – Bến Lức là 2,40 tỷ đồng (20% mệnh giá, tương đương 69,02% - vốn đầu tư); Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long đã tổ chức xong ĐHĐCĐ thường niên 2020 thống nhất chia cổ tức từ năm 2020 bằng cổ phiếu với mức là 2% mệnh giá, sẽ được ghi nhận doanh thu tài chính niên độ 2021; Công ty CP Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành và Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng; 03 doanh nghiệp còn lại (Công ty CP May Cholimex, Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Cholimex, Công ty CP ĐT PT Thủy sản Chợ Lớn) hiệu quả kinh doanh thấp, không có khả năng chi cổ tức.

3. Công tác chuyên môn

3.1 Công tác quản trị điều hành

- Rà soát số liệu để điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế và xây dựng các công việc trọng tâm giai đoạn 2020-2025.

- Thực hiện các công việc liên quan đến công tác quyết toán chuyển thể doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần.

33013
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN MIỀN
BẮC KINH
CHÍNH
QUYỀN
HỢP TÁC

- Thực hiện các thủ tục liên quan tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020: thực hiện chốt danh sách ngày 25/3/2020 và tổ chức vào ngày 15/4/2020 nhưng do tình hình dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp tại thời điểm đó nên Công ty Cholimex đã làm thủ tục xin gia hạn tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 và thủ tục hủy danh sách cổ đông chốt ngày 25/3/2020. Đến ngày 15/5/2020, Công ty Cholimex thực hiện chốt danh sách cổ đông tham dự họp và đã tổ chức thành công vào ngày 04/6/2020. Trong kỳ Đại hội này đã sử dụng ứng dụng trên thiết bị di động (moblie app) để kiểm tra tư cách cổ đông và biểu quyết các nội dung Đại hội.

- Thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 là 3,5% mệnh giá (chi trả tạm ứng 1,5% mệnh giá ngày 30/12/2019 và chi trả còn lại 2% mệnh giá ngày 30/07/2020).

- Thực hiện công bố thông tin: tài liệu họp ĐHCĐ thường niên năm 2020; báo cáo tài chính năm 2019, quý 1/2020, quý 2/2020, bán niên soát xét năm 2020, quý 3/2020; báo cáo thường niên năm 2019; danh sách CĐNN, CDL thời điểm 6 tháng đầu năm và 6 tháng cuối năm; các Nghị quyết Hội đồng quản trị ...

- Chuẩn bị các nội dung họp Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị và trình Đại hội cổ đông, Hội đồng quản trị phê duyệt chủ trương đầu tư góp vốn, đầu tư dự án ...

- Thực hiện các báo cáo định kỳ, theo yêu cầu: báo cáo tháng, quý, năm ...

- Thường xuyên thực hiện các nghiệp vụ tài chính kế toán: quản lý thu chi; kiểm soát chi phí; thuế; rà soát số liệu thực hiện báo cáo tài chính ...

- Thực hiện công tác quản lý nhân sự: thủ tục bổ nhiệm lại; giải quyết chế độ nghỉ việc; điều chỉnh chức danh công việc; tham mưu chi trả lương, thưởng; thực hiện các chế độ BHXH; kế hoạch đào tạo; báo cáo đánh giá KPI ...

- Thực hiện công tác hành chính pháp chế: tổ chức các sự kiện, hội họp, hội nghị; sửa đổi bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và thực hiện thủ tục thay đổi thông tin đăng ký kinh doanh, thay đổi ngành nghề; công tác thu hồi nợ; công tác thi đua khen thưởng; Công tác quản lý, bảo trì bảo dưỡng, mua sắm trang thiết bị; Quản lý hệ thống mạng, website, hệ nhận diện, nhãn hiệu Công ty ...

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch kỷ niệm 40 năm thành lập Công ty.

- Nghiên cứu quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 để sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định Công ty và góp ý quy chế Đại diện vốn của HFIC.

- Xây dựng kế hoạch và chuẩn bị cho công tác tổng kết hoạt động năm 2020 và chăm lo Tết cho CBNV

- Tiếp tục theo dõi hồ sơ xin gia hạn thời hạn sử dụng đất lô 1.250 m² của Trung tâm tôm giống Cholimex – Ninh Thuận.

3.2 Công tác khác

- Phối hợp tổ chức Đại hội Đảng bộ Công ty Cholimex nhiệm kỳ 2020-2025.

- Tuyên truyền phòng chống dịch bệnh viêm đường hô hấp cấp (Covid-19) và tăng cường công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 tại đơn vị.

- Thực hiện các chế độ cho người lao động theo TULĐTT như: sinh nhật, tổ chức tham quan nghỉ mát, chế độ BHXH, trang cấp đồng phục, khám sức khỏe định kỳ ...
- Đảm bảo an ninh trật tự, công tác PCCC trong hệ thống Công ty Cholimex.

IV. Tình hình giao dịch cổ phiếu CLX

Trong 252 phiên giao dịch của năm 2020, giá cổ phiếu CLX có 88 phiên tăng, 78 phiên giảm và 86 phiên đứng giá. Tổng giao dịch là 2.762.526 CP (tăng 78,75% so với năm 2019), trị giá 42,75 tỷ đồng. Giá khớp lệnh cao nhất trong năm là 19.000 đ/CP (12/2020), thấp nhất là 10.500 đ/CP (3/2020), giá bình quân là 15.476 đ/CP tăng 1,62% so với năm 2019. Giá giao dịch bình quân ngày 31/12/2020 là 17.500 đ/CP, tăng 5.800 đ/CP so với giá tham chiếu đầu năm. Giá trị vốn hóa thị trường ngày 31/12/2020 của Công ty Cholimex đạt 1.515,50 tỷ đồng, tăng 49,57% so với thời điểm 31/12/2019.

V. Nhận xét, đánh giá

1. Mặt đạt được

- Công tác quản trị điều hành:

+ Kịp thời chỉ đạo và đưa ra biện pháp để đảm bảo ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh và hỗ trợ các khách hàng bị ảnh hưởng của dịch bệnh.

+ Chủ động rà soát và điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 phù hợp với tình hình thực tế.

+ Thực hiện các công việc liên quan đến công bố thông tin, các báo cáo theo yêu cầu, tham mưu kế hoạch, quản lý tài chính, quản lý nhân sự, hành chính theo đúng quy định, quy chế công ty.

+ Đã triển khai ứng dụng trên thiết bị di động (mobile app) và tin nhắn qua tổng đài Cholimex để phục vụ cho công tác tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên đạt hiệu quả, tăng cường quảng bá thương hiệu cho Công ty.

+ Giữ ổn định tình hình an ninh trật tự và thường xuyên kiểm tra công tác PCCC trong hệ thống Công ty, thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19.

- Hoạt động đầu tư dự án:

+ Đã thực hiện hoàn thành các công việc trong năm 2020 gồm: đo đạc, cắm mốc nhận bàn giao ranh đất đã nhận chuyển nhượng ngoài thực địa của dự án Khu dân cư - Tái định cư Vĩnh Lộc A (44ha); cải tạo hệ nhận diện thương hiệu và vệ sinh vách kính mặt tiền văn phòng 1368 Võ Văn Kiệt; công trình lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời trên mái nhà văn phòng 1368 Võ Văn Kiệt.

+ Tích cực phối hợp giải quyết các trường hợp còn vướng mắc tại hai dự án KCN Vĩnh Lộc mở rộng 56ha và Khu dân cư – Tái định cư Vĩnh Lộc A 44ha.

+ Tích cực kiểm tra hiện trạng các thửa đất đã nhận chuyển nhượng tại hai dự án KCN Vĩnh Lộc mở rộng 56ha và Khu dân cư – Tái định cư Vĩnh Lộc A 44ha.

- Hoạt động tài chính:

+ Thường xuyên giám sát vốn đầu tư tại các doanh nghiệp khác; kịp thời chỉ đạo cán bộ đại diện vốn tham gia ý kiến thảo luận, biểu quyết tại các phiên họp HĐQT, Đại hội đồng cổ đông.

028
 3 TY
 HÃ
 AP
 AUT
 LO
 JMC
 HO

+ Chủ động hợp tác cùng cổ đông chiến lược và các đối tác mở rộng hoạt động đầu tư tài chính.

+ Cổ tức, lợi nhuận thu được vượt mức kế hoạch.

- **Hoạt động dịch vụ:**

+ Tích cực tìm kiếm khách hàng thuê văn phòng, kho bãi, mặt bằng còn trống.

+ Quản lý tốt văn phòng, kho bãi cho thuê và công tác chăm sóc khách hàng.

- **Trung tâm CTC:**

+ Đẩy mạnh hoạt động phân phối để gia tăng hiệu quả.

+ Củng cố và phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ.

- **Công ty con KCN Vĩnh Lộc:**

+ Hoạt động cho thuê nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng, kho bãi, hạ tầng khu công nghiệp duy trì ổn định nhờ sự hỗ trợ kịp thời giảm giá thuê để chia sẻ phần khó khăn với các doanh nghiệp, khách hàng bị ảnh hưởng từ các đợt dịch bệnh.

+ Tích cực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ; tìm kiếm khách hàng, đối tác; công tác thu hút đầu tư tại KCN Vĩnh Lộc.

2. Mặt chưa đạt được

- **Hoạt động đầu tư dự án:**

+ Dự án Cao ốc Cholimex tại số 629B-631-633 Nguyễn Trãi chưa thực hiện xong các thủ tục pháp lý trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án do chưa thực hiện được việc chuyển đổi tên chủ sở hữu quyền sử dụng đất từ Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn sang Công ty Cổ phần và chưa thực hiện được việc xin chuyển đổi chức năng công trình.

+ Chưa giải quyết xong các trường hợp còn vướng mắc thuộc dự án Khu công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng 56ha và dự án Khu dân cư – Tái định cư Vĩnh Lộc A 44ha.

- **Hoạt động đầu tư tài chính:** Vốn đầu tư của Công ty Cholimex tại một vài doanh nghiệp không mang lại hiệu quả do doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Hợp đồng thoái vốn đầu tư tại Công ty Chaid Corp chưa thực hiện đúng tiến độ quy định tại Hợp đồng.

- **Hoạt động dịch vụ:** doanh thu dịch vụ đạt 85,6% chỉ tiêu kế hoạch do hoạt động cho thuê kho và văn phòng chưa lấp đầy.

- **Trung tâm CTC:** doanh thu và lợi nhuận chưa đạt so với kế hoạch lần lượt là 62,11% và 74,25% do trong năm đã ngừng phân phối sản phẩm Cholimexfood với Siêu thị Satra nên ảnh hưởng đến hoạt động phân phối và ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 các tháng đầu năm.

- **Công ty con KCN Vĩnh Lộc:**

+ Hoạt động cho thuê nhà xưởng, văn phòng, mặt bằng, kho bãi, hạ tầng khu công nghiệp: do tình hình dịch bệnh nên đã không điều chỉnh được đơn giá cho thuê mặt bằng, kho xưởng đối với một số hợp đồng đến hạn điều chỉnh theo kế hoạch đã đề ra.

Mặt khác, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc hỗ trợ miễn, giảm tiền thuê mặt bằng, kho xưởng cho 16 doanh nghiệp gặp khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19.

+ Kinh doanh xăng dầu: do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tình hình giá xăng dầu có nhiều biến động, chính sách của Nhà nước và hoạt động kinh doanh xăng dầu của doanh nghiệp dầu mỗi gặp khó khăn vì vậy đã tác động đến giá bán và thù lao đại lý.

+ Dịch vụ cung cấp điện: Thực hiện theo chỉ đạo của Bộ Công thương tại Công văn số 2689/BCT-ĐTĐL ngày 16/4/2020 về việc hỗ trợ giảm giá điện, Khu công nghiệp Vĩnh Lộc đã hỗ trợ giảm giá điện cho khách hàng sử dụng điện bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, cụ thể giảm 10% giá điện trong 03 tháng: tháng 5, tháng 6 và tháng 7 năm 2020. Ngoài ra, doanh thu và lợi nhuận cung cấp điện sẽ bị giảm khi Khu công nghiệp Vĩnh Lộc bàn giao cho Công ty Điện lực Bình Phú cấp điện/mua bán điện trực tiếp với doanh nghiệp thuê kho xưởng tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc tháng 12/2020.

33-C
HÀU
X
PHI 2020

PHẦN THỨ HAI KẾ HOẠCH KINH DOANH – ĐẦU TƯ NĂM 2021

I. Dự báo tình hình kinh tế và thuận lợi, khó khăn trong năm 2021

1. Dự báo tình hình kinh tế

Trong năm 2021, Việt Nam là nước có nhiều lợi thế trong việc đón làn sóng dịch chuyển nhà máy, công xưởng từ các nước trong khu vực nhờ vào các yếu tố như: chính trị ổn định; các Hiệp định FTAs đã ký kết bắt đầu có hiệu lực; lao động giá rẻ, có tay nghề; nhiều chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư; vị trí đại lý thuận lợi; Việt Nam có kinh nghiệm kiểm soát tốt dịch bệnh ... Đây là cơ hội để đẩy mạnh phát triển hạ tầng khu công nghiệp và lĩnh vực logistics.

Bên cạnh đó, Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức như: dịch bệnh dù có thể cơ bản được kiểm soát song vẫn có thể bùng phát trở lại từ đó sẽ ảnh hưởng tới tâm lý tiêu dùng và hoạt động đầu tư của doanh nghiệp; rủi ro nợ công, thâm hụt ngân sách và nợ xấu có thể gia tăng; quá trình tái cơ cấu nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh cần nhiều biện pháp quyết liệt, đồng bộ nhằm đạt được những cải cách thực chất hơn; biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường thách thức ổn định và phát triển bền vững.

2. Thuận lợi của Công ty Cholimex

- Hoạt động Kinh doanh – Đầu tư phù hợp với xu hướng phát triển.
- Nguồn tài chính được tích lũy sau gần 05 năm hoạt động có hiệu quả dưới mô hình công ty cổ phần.
- Sự đồng thuận cao từ các cổ đông để hợp tác cùng phát triển.

3. Khó khăn của Công ty Cholimex

- Công tác quyết toán chuyển thể chưa hoàn tất nên chưa thể triển khai các dự án.
- Nộp ngân sách nhà nước khi quyết toán tại thời điểm chuyển thành CTCP, ảnh hưởng đến kế hoạch tài chính của công ty.
- Trình tự thủ tục đầu tư dự án phức tạp, gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai dự án.

II. Chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu năm 2021

Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2021 (Tỷ đồng)
Số liệu hợp nhất	
1. Tổng doanh thu	540,00
2. Lợi nhuận trước thuế	160,00
3. Lợi nhuận sau thuế	142,50
4. Lợi nhuận phân phối	86,00
5. Chia cổ tức	(*)

Ghi chú: () Căn cứ tình hình thực tế thực hiện kế hoạch năm 2021, việc chia cổ tức năm 2021 sẽ do Đại hội đồng cổ đông năm 2022 quyết định.*

Các chỉ tiêu Doanh thu, lợi nhuận theo số liệu hợp nhất, lợi nhuận phân phối năm 2021 giảm so với số ước thực hiện năm 2020 do các nguyên nhân sau:

- Thực hiện theo kết luận ngày 01/6/2020 của Kiểm toán Nhà nước Khu vực VIII, quý 3 năm 2020 KCN Vĩnh Lộc hạch toán phân bổ tiền cho thuê đất giai đoạn 16/7/2016 – 31/12/2019 vào kết quả kinh doanh năm 2020, doanh thu 66.049 triệu đồng, lợi nhuận 5.846 triệu đồng. Năm 2021, không có các khoản nêu trên.

- Dự kiến từ năm 2021, Công ty điện lực Bình phú sẽ cung cấp điện/mua bán điện trực tiếp với doanh nghiệp thuê kho xưởng tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc do đó năm 2021, Công ty TNHH MTV KCN Vĩnh Lộc sẽ giảm doanh thu và lợi nhuận mảng hoạt động này.

- Doanh thu tài chính năm 2021 của Công ty Cholimex giảm do: Công ty góp đủ vốn vào các đơn vị là CTCP Logisics Vĩnh Lộc và CTCP Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành, CTCP Dịch vụ Logistics Thăng Long theo tỷ lệ góp vốn đã được HĐQT thông qua và nộp NSNN 186.580 triệu đồng theo kết luận KTNN (Công ty đang kiến nghị UBND Thành phố cho phân kỳ nộp trong thời hạn 05 năm).

III. Các nhiệm vụ trọng tâm

1. Công tác quản trị điều hành

- Tập trung chỉ đạo, thường xuyên theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện kế hoạch năm 2021 để hoàn thành kế hoạch được giao.

- Tiếp tục thực hiện các công việc liên quan đến công tác quyết toán chuyên thể, trong đó kiến nghị giải quyết trước thủ tục pháp lý của Dự án 629B-631-633 Nguyễn Trãi và 1368 Võ Văn Kiệt không chờ hoàn tất quyết toán chuyên thể.

- Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng quy định: công tác quản lý nhân sự và quản lý hành chính – pháp chế; công tác tài chính – kế toán; công tác kế hoạch – đầu tư; công tác quản lý dự án đầu tư.

- Thực hiện các báo cáo định kỳ, báo cáo theo yêu cầu và chuẩn bị các nội dung họp Hội đồng quản trị định kỳ, họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, ...

- Đảm bảo Công bố thông tin đúng quy định và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý của Công ty phù hợp với quy định pháp luật có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

- Thực hiện rà soát các diện tích đất đã đền bù nhưng chưa khai thác, đất chưa đền bù có khả năng đền bù được để đầu tư xây dựng kho xưởng cho thuê tại KCN Vĩnh Lộc hiện hữu.

- Tổ chức chu đáo các hội nghị, hội thảo của công ty (tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, tổ chức kỷ niệm 40 năm thành lập công ty ...)

- Đảm bảo chính sách cho CBNV theo Thỏa ước lao động tập thể năm 2021.

- Đảm bảo an ninh trật tự, công tác PCCC trong hệ thống Công ty Cholimex.

2. Hoạt động đầu tư dự án

- Tiếp tục theo dõi kiến nghị về thủ tục đất đai và ý kiến các sở ngành về điều chỉnh công năng của Dự án Cao ốc Cholimex tại số 629B-631-633 Nguyễn Trãi.
- Chỉ đạo, giám sát tiến độ thi công và đưa vào khai thác các dự án tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.
- Tiếp tục giải quyết các trường hợp vướng mắc và quản lý ranh đất các thửa đất đã nhận chuyển nhượng tại Dự án KCN Vĩnh Lộc mở rộng (56ha), Dự án Khu dân cư – Tái định cư Vĩnh Lộc A (44ha).
- Dự án Khu công nghiệp Vĩnh Lộc 3 (217ha): triển khai thực hiện dự án khi có chủ trương đầu tư.

3. Hoạt động đầu tư tài chính

- Giám sát chặt chẽ nguồn vốn đầu tư tại các doanh nghiệp; đẩy mạnh hợp tác kinh doanh với các doanh nghiệp trong hệ thống để nâng cao hiệu quả đầu tư; tìm giải pháp thoái vốn tại các doanh nghiệp hoạt động kém hiệu quả, đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư vào những doanh nghiệp mới dự kiến có hiệu quả đầu tư cao.
- Cân đối nguồn vốn để tiếp tục đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Logistics Thăng Long, Công ty CP Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành, Công ty CP Logistics Vĩnh Lộc theo chủ trương đã được HĐQT Công ty Cholimex thông qua, đồng thời tìm kiếm cơ hội đầu tư tài chính vào các doanh nghiệp cùng ngành nghề, có tiềm năng phát triển.

4. Hoạt động Dịch vụ:

- Quản lý và khai thác dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi hiệu quả.
- Thực hiện dịch vụ chăm sóc khách hàng, đảm bảo chất lượng các dịch vụ, quản lý các kho hàng hóa an toàn.

5. Hoạt động Thương mại:

- Tổ chức bộ máy hoạt động hiệu quả; nâng cao năng suất lao động; tiết giảm chi phí; quản lý chặt chẽ các khoản thu chi, không để phát sinh công nợ khó đòi.
- Hợp tác với nhà cung cấp để xây dựng các sản phẩm mang nhãn hiệu Cholimex.
- Thử nghiệm hình thức bán hàng trực tuyến, thanh toán qua đơn vị trung gian, từng bước phát triển hoạt động thương mại điện tử.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 *afk*



TỔNG GIÁM ĐỐC

Huỳnh An Trung

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021
CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) và các quy định pháp luật liên quan, Hội đồng quản trị Công ty báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 như sau:

I. Kết quả hoạt động của Công ty năm 2020

Trong năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, lũ lụt, sạt lở, giông lốc, dịch bệnh diễn ra ở nhiều nơi đã gây ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng đến nền kinh tế thế giới cũng như trong nước. Trước tình hình khó khăn chung, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người lao động đã nỗ lực thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông giao với kết quả kinh doanh và đầu tư năm tài chính 2020 (hợp nhất) như sau:

Đvt: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		So với kế hoạch (3=2/1)
	Kế hoạch	Thực hiện	
A	1	2	3
1. Tổng doanh thu hợp nhất	480,00	597,54	124,49 %
2. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	128,40	171,40	133,49 %
3. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	111,50	151,24	135,64 %
4. Lợi nhuận phân phối	78,10	97,14	124,38 %
5. Cổ tức	Không chia cổ tức	Không chia cổ tức	-

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Trần Thị Thanh Nhân	Chủ tịch HĐQT	30/6/2016	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	30/6/2016	
3	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT, TGD	30/6/2016	
4	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	30/6/2016	
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	30/6/2016	
6	Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên HĐQT	24/4/2017	
7	Ông Võ Văn Thân	Thành viên HĐQT	15/4/2018	

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã có nhiều nỗ lực trong công tác quản trị công ty phù hợp quy định hiện hành, cụ thể:

- Đảm bảo yêu cầu về cơ cấu số lượng thành viên HĐQT, số lượng thành viên HĐQT không điều hành. Cùng nhau duy trì hoạt động thường xuyên thông qua nhiều hình thức như họp định kỳ, trao đổi bằng điện thoại, email... nhằm thông tin kịp thời đầy đủ tình hình hoạt động Công ty, đảm bảo thực hiện nghĩa vụ, trách nhiệm theo đúng Điều lệ và đảm bảo lợi ích cho cổ đông.

- Để thực hiện các nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao, HĐQT đã triển khai hoạt động theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động, các Quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Các thành viên HĐQT làm việc theo Quy chế hoạt động của HĐQT, các thành viên đều cam kết hoàn thành trách nhiệm của mình trong việc tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT cũng như đưa ra các quyết định kịp thời cho việc triển khai hoạt động kinh doanh và đầu tư của Công ty.

- Việc tổ chức các cuộc họp HĐQT và lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã thực hiện:

+ Tổ chức 03 phiên họp định kỳ do đầu năm tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp nên cuộc họp HĐQT định kỳ quý I/2020 được thay thế bằng việc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản, xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm

quyền của Hội đồng quản trị có sự tham dự của Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc Công ty và các bộ phận có liên quan.

+ 07 lần lấy ý kiến HĐQT và Thường trực HĐQT bằng văn bản để xem xét, giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT và Thường trực HĐQT.

- HĐQT và Thường trực HĐQT đã ban hành 17 nghị quyết và quyết định thông qua một số nội dung sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	24/02/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
2	02/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	30/3/2020	1. Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex). 2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.	100%
3	03/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	30/3/2020	1. Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. 2. Thông qua địa điểm dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
4	04/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	30/3/2020	Thông qua việc dời thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
5	05/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	30/3/2020	Thông qua chủ trương vay vốn lưu động kinh doanh xăng dầu tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	100%
6	06/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	24/4/2020	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	100%
7	07/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	24/4/2020	Thông qua chủ trương vay vốn để đầu tư dự án mở	100%

			rộng, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	
8	08/QĐ-CHOLIMEX-HĐQT	24/4/2020	Thông qua chủ trương vay vốn để đầu tư xây dựng 04 dự án nhà xưởng cho thuê L2-NX3, L6, L7, L8 và dự án cửa hàng xăng dầu số 2 tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.	100%
9	09/QĐ-CHOLIMEX-HĐQT	18/5/2020	1. Thông qua điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty mẹ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn. 2. Thông qua điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	100%
10	10/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	18/5/2020	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.	100%
11	11/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	03/7/2020	Thông qua chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C để thực hiện soát xét báo cáo 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty	100%
12	12/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	03/7/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2019	100%
13	13/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Thông qua cho Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc giải quyết chế độ hưu trí đối với Ông Võ Văn Năm, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	100%

14	14/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Thông qua gia hạn thời gian giữ nhiệm vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc của Ông Võ Văn Năm để bàn giao công việc, tài liệu hồ sơ	100%
15	15/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Thông qua bổ nhiệm Ông Phạm Trường Phương giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	100%
16	16/QĐ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Gia hạn thời gian giữ nhiệm vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc của Ông Võ Văn Năm để bàn giao công việc, tài liệu hồ sơ	100%
17	17/QĐ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Bổ nhiệm Ông Phạm Trường Phương giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	100%

- Tình hình tham dự các cuộc họp của các thành viên Hội đồng quản trị:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Bà Trần Thị Thanh Nhân	Chủ tịch	03	100%	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch	03	100%	
3	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên	03	100%	
4	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên	03	100%	
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên	03	100%	
6	Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên	03	100%	
7	Ông Võ Văn Thân	Thành viên	03	100%	

3. Kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020

Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 với kết quả như sau:

Stt	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Kết quả thực hiện
1	Kế hoạch kinh doanh năm 2020	Đã thực hiện vượt mức kế hoạch
2	Lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020	Đã lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C
3	Thông qua việc đăng ký giảm và bổ sung các ngành nghề kinh doanh	Đã thực hiện đăng ký giảm và bổ sung các ngành nghề kinh doanh
4	Thông qua điều chỉnh, sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty	Đã thực hiện
5	Thông qua điều chỉnh, sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị Công ty	Đã thực hiện
6	Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020	Đã thực hiện

4. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc, Ban điều hành

Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; việc đầu tư tài chính, đầu tư các dự án theo đúng quy định; thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty theo các quy định, chuẩn mực của kế toán. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban tháng cùng Ban Điều hành để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời có ý kiến và hỗ trợ Ban Điều hành giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Điều hành như sau:

- Ban Điều hành đã tổ chức hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; triển khai thực hiện các dự án theo đúng quy trình, quy định; tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh đầu tư của Công ty cho Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển hoạt động Công ty.

- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng quy định.

- Thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.

III. Báo cáo thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị năm 2020 (trước thuế)

Đơn vị tính: đồng

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Thù lao năm 2020	Ghi chú
1	Bà Trần Thị Thanh Nhân	Chủ tịch HĐQT	239.497.731	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch HĐQT	224.529.121	
3	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HĐQT	224.529.121	
4	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HĐQT	194.591.905	
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HĐQT	194.591.905	
6	Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên HĐQT	194.591.905	
7	Ông Võ Văn Thân	Thành viên HĐQT	194.591.905	
	Tổng cộng		1.466.923.593	

IV. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021

- Thực hiện các chức năng quản trị Công ty theo đúng phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và trình các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

- Chỉ đạo, giám sát, hỗ trợ Ban Điều hành trong điều hành hoạt động kinh doanh hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 do Đại hội đồng cổ đông giao, tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

- Chỉ đạo và hỗ trợ Ban Điều hành Công ty tổ chức triển khai thực hiện đầu tư tài chính, đầu tư các dự án theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định, đảm bảo việc đầu tư có hiệu quả.

- Thông qua Người đại diện phần vốn góp tại các doanh nghiệp có vốn góp của Công ty tăng cường giám sát hoạt động của đơn vị; nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông; đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Tập trung quản lý rủi ro, chú trọng hiệu quả, tăng cường hợp tác, chia sẻ thông tin giữa các đơn vị, nắm bắt cơ hội kinh doanh, đầu tư.

- Chỉ đạo Ban Điều hành rà soát sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy trình nội bộ phù hợp với các quy định hiện hành của Nhà nước.

- Phối hợp với Ban Kiểm soát giám sát tính an toàn và đảm bảo hoạt động của doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Giám sát việc thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Trên đây là một số nội dung báo cáo về hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021, kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thanh Nhân

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ CÔNG TY
NĂM 2020**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
- Địa chỉ trụ sở chính: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Tp.Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84 - 28) 38 547 102 Fax: (028) 38 555 682 Email: www.cholimex.vn
- Vốn điều lệ: 866.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: CLX
- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc.
- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện.

I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01 /NQ-CHOLIMEX-ĐHCD	04/6/2020	<ol style="list-style-type: none">1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2019.2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.3. Thông qua Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2019.4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2019 và kế hoạch hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị; Báo cáo tình hình quản trị Công ty đại chúng năm 2019.5. Thông qua Báo cáo hoạt động của

			<p>Ban kiểm soát năm 2019.</p> <p>6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2020.</p> <p>7. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2020.</p> <p>8. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020.</p> <p>9. Thông qua Tờ trình sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.</p>
--	--	--	--

II. Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HDQT/HDQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Trần Thị Thanh Nhân	Chủ tịch HDQT	30/6/2016	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	Phó Chủ tịch HDQT	30/6/2016	
3	Ông Huỳnh An Trung	Thành viên HDQT	30/6/2016	
4	Ông Lê Duy Hiệp	Thành viên HDQT	30/6/2016	
5	Ông Bùi Minh Tuấn	Thành viên HDQT	30/6/2016	
6	Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên HDQT	24/4/2017	
7	Ông Võ Văn Thân	Thành viên HDQT	15/4/2018	

2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HDQT	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Bà Trần Thị Thanh Nhân	03	03/03	
2	Ông Bùi Tuấn Ngọc	03	03/03	

3	Ông Huỳnh An Trung	03	03/03	
4	Ông Lê Duy Hiệp	03	03/03	
5	Ông Bùi Minh Tuấn	03	03/03	
6	Ông Nguyễn Quang Thanh	03	03/03	
7	Ông Võ Văn Thân	03	03/03	

Ghi chú: Do đầu năm tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp nên cuộc họp HĐQT quý I/2020 được thay thế bằng việc lấy ý kiến HĐQT bằng văn bản.

Giữa các kỳ họp của HĐQT, để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT liên quan đến hoạt động kinh doanh – đầu tư, quản lý Công ty, HĐQT đã tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản. Việc tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty; công tác chỉ đạo, điều hành thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty; việc đầu tư tài chính, đầu tư các dự án theo đúng quy định; thực hiện kiểm toán soát xét Báo cáo tài chính năm 2019 và Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2020 của Công ty theo các quy định, chuẩn mực của kế toán. Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên tham gia các cuộc họp giao ban tháng cùng Ban Tổng Giám đốc để nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, kịp thời có ý kiến và hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động của Công ty.

Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Tổng Giám đốc như sau:

- Ban Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 do Đại hội đồng cổ đông giao; chấp hành và tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai thực hiện đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; triển khai thực hiện các dự án theo đúng quy trình, quy định; tích cực thực hiện các dự án đầu tư của Công ty và đưa vào hoạt động có hiệu quả.

- Thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh đầu tư của Công ty cho Hội đồng quản trị, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển hoạt động Công ty.

- Tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước.

- Thực hiện công bố thông tin nghiêm túc và đúng quy định.

- Thực hiện tốt việc chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo năm):

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	24/02/2020	Thông qua việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	7/7
2	02/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	30/3/2020	1. Thông qua điều chỉnh kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex). 2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.	7/7
3	03/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	30/3/2020	1. Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. 2. Thông qua địa điểm dự kiến tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	7/7
4	04/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	30/3/2020	Thông qua việc dời thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	7/7
5	05/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	30/3/2020	Thông qua chủ trương vay vốn lưu động kinh doanh xăng dầu tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	3/3
6	06/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	24/4/2020	Thông qua việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020	7/7
7	07/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	24/4/2020	Thông qua chủ trương vay vốn để đầu tư dự án mở rộng, nâng công suất hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	7/7

8	08/QĐ-CHOLIMEX-HĐQT	24/4/2020	Thông qua chủ trương vay vốn để đầu tư xây dựng 04 dự án nhà xưởng cho thuê L2-NX3, L6, L7, L8 và dự án cửa hàng xăng dầu số 2 tại Khu công nghiệp Vĩnh Lộc.	7/7
9	09/QĐ-CHOLIMEX-HĐQT	18/5/2020	1. Thông qua điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty mẹ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn. 2. Thông qua điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.	7/7
10	10/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	18/5/2020	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.	3/3
11	11/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	03/7/2020	Thông qua chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C để thực hiện soát xét báo cáo 6 tháng và kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty	7/7
12	12/NQ-CHOLIMEX-HĐQT	03/7/2020	Thông qua việc chi trả cổ tức còn lại năm 2019	7/7
13	13/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Thông qua cho Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc giải quyết chế độ hưu trí đối với Ông Võ Văn Năm, Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	3/3
14	14/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Thông qua gia hạn thời gian giữ nhiệm vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp	3/3

			Vĩnh Lộc của Ông Võ Văn Năm để bàn giao công việc, tài liệu hồ sơ	
15	15/NQ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Thông qua bổ nhiệm Ông Phạm Trường Phương giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	3/3
16	16/QĐ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Gia hạn thời gian giữ nhiệm vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc của Ông Võ Văn Năm để bàn giao công việc, tài liệu hồ sơ	3/3
17	17/QĐ-CHOLIMEX-TTHĐQT	02/10/2020	Bổ nhiệm Ông Phạm Trường Phương giữ chức vụ Kiểm soát viên Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc	3/3

III. Ban kiểm soát (Báo cáo năm):

1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS	Trình độ chuyên môn
1	Bà Lê Thị Nguyệt Hằng	Trưởng BKS	30/6/2016	Th.s Tài chính doanh nghiệp
2	Bà Phan Quỳnh Anh	Thành viên BKS	30/6/2016	Cử nhân kế toán
3	Ông Lê Văn Hùng	Thành viên BKS	30/6/2016	Cử nhân kinh tế ngành kế toán kiểm soát

2. Cuộc họp của BKS:

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Nguyệt Hằng	03	03/03		
2	Bà Phan Quỳnh Anh	03	01/03		Bận công tác
3	Ông Lê Văn Hùng	03	03/03		

3. Hoạt động giám sát của Ban kiểm soát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

Các thành viên Hội đồng quản trị đều thực hiện trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền hạn được quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tổ chức họp 03 phiên họp định kỳ và giữa các kỳ họp của HĐQT để giải quyết các công việc cần có ý kiến của HĐQT, HĐQT đều tổ chức lấy ý kiến biểu quyết của các thành viên HĐQT bằng văn bản.

Các phiên họp định kỳ đều được ghi biên bản đầy đủ, được tất cả các thành viên HĐQT thông qua và ký tên. Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật, điều lệ Công ty và tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, thực hiện nghiêm túc các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo đúng Điều lệ và quy định của pháp luật.

Về thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020: Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

4. Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác:

HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ và tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát tại Công ty theo quy định.

Ban kiểm soát được mời tham dự các phiên họp thường kỳ của HĐQT, của Ban Tổng Giám đốc để cùng nắm bắt được tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và đưa ra các ý kiến đóng góp để HĐQT cân nhắc, xem xét trước khi ban hành Nghị quyết, quyết định.

5. Hoạt động khác của Ban kiểm soát (nếu có):

Giám sát việc chấp hành các nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật bao gồm: nghĩa vụ thuế, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các nghĩa vụ tài chính khác.

Tham gia góp ý, sửa đổi bổ sung các quy định, qui chế của công ty.

IV. Ban điều hành

Stt	Thành viên Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành
1	Ông Huỳnh An Trung	24/10/1967	Kỹ sư Kinh tế Thủy sản	08/07/2016
2	Ông Lưu Thanh Danh	04/05/1974	Kỹ sư xây dựng	01/12/2016

V. Kế toán trưởng

Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm
Ông Võ Văn Đầy	30/05/1974	Cử nhân Kinh tế	08/07/2016

VI. Đào tạo về quản trị công ty:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty: Không có.

VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty

1. Danh sách về người có liên quan của công ty: Theo phụ lục 01 đính kèm.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ: Theo phụ lục 02 đính kèm.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Theo phụ lục 02 đính kèm.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Không có

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có

VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo năm)

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ: Theo phụ lục 03 đính kèm.

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty: Không có

VII. Các vấn đề cần lưu ý khác: Không có.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Thanh Nhân

DANH SÁCH VỀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

(Đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH ^a , ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
I Người có liên quan là cá nhân									
1	Trần Thị Thanh Nhân		Chủ tịch HĐQT			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
2	Bùi Tuấn Ngọc		Phó Chủ tịch HĐQT			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
3	Huỳnh An Trung		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
4	Lê Duy Hiệp		Thành viên HĐQT			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
5	Bùi Minh Tuấn		Thành viên HĐQT			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
6	Nguyễn Quang Thanh		Thành viên HĐQT			24/4/2017		Bầu bổ sung nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
7	Võ Văn Thân		Thành viên HĐQT			15/4/2018		Bầu bổ sung nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan	Thời điểm không còn là người có liên quan	Lý do	Mối quan hệ liên quan với công ty
8	Lê Thị Nguyệt Hằng		Trưởng Ban Kiểm soát			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
9	Phan Quỳnh Anh		Thành viên BKS			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
10	Lê Văn Hùng		Thành viên BKS			30/6/2016		Bầu cử nhiệm kỳ I (2016 – 2021)	Người nội bộ
11	Lưu Thanh Danh		Phó Tổng Giám đốc			01/12/2016		Bỏ nhiệm	Người nội bộ
12	Võ Văn Đầy		Kế toán trưởng			08/7/2016		Bỏ nhiệm	Người nội bộ
13	Nguyễn Thị Thủy Trâm		Thư ký Công ty			08/7/2016		Bỏ nhiệm	Người nội bộ
II	Người có liên quan là tổ chức								
1	Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc					7/2016			Công ty con
2	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex					7/2016			Công ty sở hữu 40,72% cp DN
3	Công ty Cổ phần SXKD XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Tanimex)					7/2016			Công ty sở hữu 20,05% cp DN
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex					7/2016			Công ty sở hữu 18,34% cp DN
5	Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức					7/2016			Công ty sở hữu 10% cp DN
6	Công ty CP May Cholimex					7/2016			Công ty sở hữu 48,84% cp DN
7	Công ty CP Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ Lớn					7/2016			Công ty sở hữu 15,38% cp DN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA CÔNG TY;
HOẶC GIỮA CÔNG TY VỚI CỔ ĐÔNG LỚN, NGƯỜI NỘI BỘ, NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**
(Đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH	Địa chỉ trụ sở chính / Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCD/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long	Tổ chức có liên quan			25/08/2020		Vốn góp trong năm 2.585.000.000	
2	Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh lộc	Tổ chức có liên quan			27/05/2020	21/NQ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 04/12/2019	Vốn góp trong năm 5.550.000.000	

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp. Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

CHIEU TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

 Trần Thị Thanh Nhân

DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

(Đính kèm theo Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020)

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Trần Thị Thanh Nhân		Chủ tịch HĐQT			6.700	0,008%	
1.1	Trần Thanh Bằng					0	0	Cha ruột
1.2	Huỳnh Thị Quýt					-	-	Mẹ ruột (Đã mất)
1.3	Lê Văn Lâm					0	0	Cha chồng
1.4	Nguyễn Thị Nhung					0	0	Mẹ chồng
1.5	Lê Minh Khoa					0	0	Chồng
1.6	Lê Trần Khánh					0	0	Con ruột
1.7	Lê Trần Thanh Nhi					0	0	Con ruột
1.8	Trần Thị A					-	-	Chị ruột (Đã mất)
1.9	Trần Thị Kim Ba					0	0	Chị ruột
1.10	Trần Quang Cẩm					0	0	Anh ruột
1.11	Trần Thị Kim Thịnh					0	0	Chị ruột
1.12	Trần Hữu Thạnh					0	0	Anh ruột
1.13	Trần Văn Hữu					0	0	Anh ruột
1.14	Trần Thành Thông					0	0	Anh ruột
1.15	Trần Trọng Khiêm					0	0	Anh ruột
1.16	Trần Thị Kim Thoa					0	0	Chị ruột
1.17	Trần Chí Nhơn					0	0	Anh ruột
1.18	Trần Thị Kiều Oanh					0	0	Chị ruột
1.19	Trần Trọng Nghiệp					0	0	Anh ruột
1.20	Huỳnh Văn Rõ					0	0	Anh rể
1.21	Dương Tấn Tài					0	0	Anh rể

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1.22	Nguyễn Thị Xiệc					0	0	Chị dâu
1.23	Nguyễn Hồng Khanh					0	0	Chị dâu
1.24	Trần Thị Kiều					0	0	Chị dâu
1.25	Nguyễn Thị Kim Tinh					0	0	Chị dâu
1.26	Lê Thị Trương					0	0	Chị dâu
1.27	Trần Thị Ích					0	0	Chị dâu
1.28	Phạm Quang Minh					0	0	Anh rể
1.29	Trần Thị Đẹp					0	0	Chị dâu
1.30	Đoàn Văn Trung					0	0	Anh rể
1.31	Phạm Thị Hoa					0	0	Chị dâu
1.32	Công ty Cổ phần SXKD XNK Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình (Tanimex)					0	0	Thành viên HĐQT
1.33	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)					42.434.000	49%	Người đại diện vốn
2	Bùi Tuấn Ngọc		Phó Chủ tịch HĐQT			0	0	
2.1	Phùng Thị Quỳnh Yến					0	0	Mẹ ruột
2.2	Nguyễn Thanh Huyền					0	0	Vợ
2.3	Bùi Trần Yến Châu					0	0	Con ruột
2.4	Bùi Ngọc Thạch					0	0	Con ruột
2.5	Bùi Minh Tuấn					0	0	Em ruột
2.6	Hoàng Thị Mỹ Quyên					0	0	Em dâu
2.7	Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Thiên Hải					0	0	Giám đốc
2.8	Công ty Cổ phần Thủy Độc Sản (SEASPIMEX)					0	0	Thành viên HĐQT
2.9	Công ty CP VINAPRINT					500.000	0,58%	Chủ tịch HĐQT
2.10	Công ty CP Đầu tư Vina					0	0	Chủ tịch HĐQT

Sst	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
2.11	Công ty CP Transimex					30.328.000	35,02%	Chủ tịch HĐQT
2.12	Công ty CP Vinafreight					0	0	Phó Chủ tịch HĐQT
2.13	Công ty CP Đầu tư Toàn Việt					601.800	0,69%	Chủ tịch HĐQT
2.14	Công ty CP Thương Mại Hóc Môn (HOTRACO)					0	0	Thành viên HĐQT
2.15	Công ty CP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics JSC)					0	0	Thành viên HĐQT
2.16	Công ty CP Garmex Sài Gòn					0	0	Thành viên HĐQT
2.17	Công ty CP Thương Mại Phú Nhuận					0	0	Thành viên HĐQT
3	Huỳnh An Trung		Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc			70.013	0,08%	
3.1	Huỳnh Văn Tài					-	-	Cha ruột (Đã mất)
3.2	Trần Thị Phiêu					-	-	Mẹ ruột (Đã mất)
3.3	Huỳnh Lạc					-	-	Cha vợ (Đã mất)
3.4	Trần Thị Hương					0	0	Mẹ vợ
3.5	Huỳnh Thị Yến Khanh					5.000	0,006%	Vợ
3.6	Huỳnh Song Gia Hân					0	0	Con ruột
3.7	Huỳnh Thanh Tùng					0	0	Em ruột
3.8	Huỳnh Thanh Trà					0	0	Em ruột
3.9	Phan Thị Hồng Vân					0	0	Em dâu
3.10	Lê Hồng Thùy Trang					0	0	Em dâu
3.11	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)					42.434.000	49%	Người đại diện vốn

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
3.12	Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistics Thăng Long					0	0	Thành viên HĐQT
3.13	Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh lộc					0	0	Phó Chủ tịch HĐQT
3.14	Công ty Cổ phần Thủy Đặc Sản (SEASPIMEX)					0	0	Chủ tịch HĐQT
4	Lê Duy Hiệp		Thành viên HĐQT			58.013	0,067%	
4.1	Đỗ Duy Liên					0	0	Mẹ ruột
4.2	Đỗ Thị Việt Hoa					0	0	Vợ
4.3	Lê Duy Nguyệt Linh					0	0	Con ruột
4.4	Lê Duy Nhật Khôi					0	0	Con ruột
4.5	Lê Thái Hỷ					0	0	Anh ruột
4.6	Lê Thị Liên Hoan					0	0	Chị ruột
4.7	Lê Hoàng					0	0	Anh rể
4.8	Công ty CP Hàng Hải MACS (MACS Shipping)					0	0	Chủ tịch HĐQT
4.9	Công ty CP Transimex					30.328.000	35,02%	Phó Chủ tịch HĐQT
4.10	Công ty CP Vinafreight					0	0	Thành viên HĐQT
4.11	Công ty CP VINAPRINT					500.000	0,58%	Thành viên HĐQT
4.12	Công ty CP Giao nhận Vận Tải Ngoại Thương (VNT Logistics JSC)					0	0	Thành viên HĐQT
4.13	Công ty CP Dịch vụ Vận tải và Thương mại (TRANSCO)					0	0	Thành viên HĐQT
5	Bùi Minh Tuấn		Thành viên HĐQT			0	0	
5.1	Bùi Văn Thuận					-	-	Cha ruột (Đã mất)
5.2	Phùng Thị Quỳnh Yến					0	0	Mẹ ruột

Sst	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
5.3	Hoàng Văn Hiền					-	-	Cha vợ (Đã mất)
5.4	Hoàng Thị Ái Loan					-	-	Mẹ vợ (Đã mất)
5.5	Hoàng Thị Mỹ Quyên					0	0	Vợ
5.6	Bùi Hoàng Tuấn Khang					0	0	Con ruột
5.7	Bùi Tuấn Ngọc		Phó Chủ tịch HĐQT			0	0	Anh ruột
5.8	Nguyễn Thanh Huyền					0	0	Chị dâu
5.9	Công ty CP Transimex					30.328.000	35,02%	Thành viên HĐQT
5.10	Công ty CP In & TM Vina					500.000	0,58%	Thành viên HĐQT
5.11	Công ty CP Garmex Sài Gòn					0	0	Thành viên HĐQT
5.12	Công ty CP Dịch vụ Bến Thành					0	0	Thành viên HĐQT
5.13	Công ty CP Merufa					0	0	Thành viên HĐQT
6	Nguyễn Quang Thanh		Thành viên HĐQT			0	0	
6.1	Nguyễn Quang Đích					0	0	Cha ruột
6.2	Nguyễn Thị Hợp					-	-	Mẹ ruột (Đã mất)
6.3	Thân Phòng					-	-	Cha vợ (Đã mất)
6.4	Đặng Thị Ngọc Tiên					0	0	Mẹ vợ
6.5	Thân Thị Thu Thảo					0	0	Vợ
6.6	Nguyễn Thảo Nguyễn					0	0	Con
6.7	Nguyễn Thanh Nguyễn					0	0	Con
6.8	Nguyễn Thị Hoàn					0	0	Chị ruột
6.9	Nguyễn Quang Tôn					0	0	Anh ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
6.10	Nguyễn Thị Ánh Tuyết					0	0	Chị ruột
6.11	Nguyễn Quang Khải					0	0	Em ruột
6.12	Nguyễn Quang Định					0	0	Em ruột
6.13	Nguyễn Văn Tiến					0	0	Anh rể
6.14	Nguyễn Khanh					0	0	Anh rể
6.15	Nguyễn Thị Giang					0	0	Em dâu
6.16	Trần Thị Ái					0	0	Em dâu
6.17	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)					42.434.000	49%	Người đại diện vốn
6.18	Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Tp.HCM					0	0	Phó Chủ tịch HĐQT
6.19	Công ty CP Hím Lam Phát triển trí tuệ trẻ em Việt					0	0	Thành viên HĐQT
7	Võ Văn Thân		Thành viên HĐQT			11.800	0,0136%	
7.1	Võ Văn Hoàng					-	-	Cha ruột (Đã mất)
7.2	Trương Thị Ánh Tuyết					0	0	Mẹ ruột
7.3	Hồ Văn Tấn					-	-	Cha vợ (Đã mất)
7.4	Phạm Thị Kim Thoa					0	0	Mẹ vợ
7.5	Hồ Thị Thu Hà					0	0	Vợ
7.6	Võ Chí Thiện					0	0	Con
7.7	Võ Minh Thiện					0	0	Con
7.8	Võ Văn Quốc					0	0	Em ruột
7.9	Nguyễn Thị Diễm Phương					0	0	Em dâu
7.10	Võ Văn Vũ Ca					0	0	Em ruột
7.11	Hồ Phước Điền					0	0	Em ruột
7.12	Huỳnh Thị Ngọc Quỳnh					0	0	Em dâu
7.13	Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (HFIC)					42.434.000	49%	Người đại diện vốn

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
7.14	Công ty TNHH MTV Khu công nghiệp Vĩnh Lộc					0	0	Chủ tịch HĐQT
7.15	Công ty CP Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành					0	0	Chủ tịch HĐQT
7.16	Công ty Cổ phần May Cholimex					0	0	Chủ tịch HĐQT
7.17	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng KCN Vĩnh lộc – Bến Lức					0	0	Thành viên HĐQT
7.18	Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh lộc					0	0	Thành viên HĐQT
8	Lê Thị Nguyệt Hằng		Trưởng Ban Kiểm soát			5.300	0,006%	
8.1	Lê Quang Thiện					0	0	Cha ruột
8.2	Du Thị Ly Châu					0	0	Mẹ ruột
8.3	Nguyễn Văn Ân					0	0	Cha chồng
8.4	Ngô Thị Nữ					-	-	Mẹ chồng (Đã mất)
8.5	Nguyễn Vĩnh Toàn					0	0	Chồng
8.6	Nguyễn Lê Quang Huy					0	0	Con ruột
8.7	Nguyễn Lê Quang Hưng					0	0	Con ruột
8.8	Lê Thiện Thanh					0	0	Anh ruột
8.9	Lê Thị Nguyệt Hạnh					0	0	Em ruột
8.10	Lê Phước Trường					0	0	Em ruột
8.11	Nguyễn Thị Hương Thảo					0	0	Chị dâu
8.12	Thái Anh Huy					0	0	Em rể
8.13	Trương Thị Tùng					0	0	Em dâu
9	Phan Quỳnh Anh		Thành viên Ban Kiểm soát			0	0	
9.1	Phan Hồng Quân					0	0	Cha ruột
9.2	Đặng Thục Trinh					0	0	Mẹ ruột
9.3	Huỳnh Ngọc Cương					0	0	Cha chồng

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
9.4	Nguyễn Thị Truyền					0	0	Mẹ chồng
9.5	Huỳnh Nguyễn An Khương					0	0	Chồng
9.6	Huỳnh Ngọc Phúc An					0	0	Con ruột
9.7	Huỳnh Ngọc Phan Anh					0	0	Con ruột
9.8	Phan Quỳnh Mai					0	0	Em ruột
9.9	Bùi Đức Khiêm					0	0	Em rể
10	Lê Văn Hùng		Thành viên Ban Kiểm soát			0	0	
10.1	Trần Thị Mười					0	0	Mẹ ruột
10.2	Võ Thị Kim Ngân					0	0	Vợ
10.3	Lê Trí Dũng					0	0	Con ruột
10.4	Lê Ngân Hà					0	0	Con ruột
10.5	Lê Văn Hiến					0	0	Anh ruột
10.6	Lê Thị Hương					0	0	Em ruột
10.7	Lê Thị Hương					0	0	Em ruột
10.8	Võ Văn Sang					0	0	Cha vợ
10.9	Võ Thị Phương Oanh					0	0	Chị dâu
10.10	Trần Văn Bình					0	0	Em rể
10.11	Nguyễn Thanh Tuấn					0	0	Em rể
10.12	Công ty CP Vinafreight					0	0	Thành viên BKS
10.13	Công ty CP Transimex					30.328.000	35,02%	Giám đốc Tài chính
10.14	Công ty CP Dịch vụ Bến Thành (BSC)					0	0	Chủ tịch HĐQT
11	Lưu Thanh Danh		Phó Tổng Giám đốc			15.000	0,017%	
11.1	Lưu Thạch Sanh					0	0	Cha ruột
11.2	Tô Thị Quý Ngái					0	0	Mẹ ruột
11.3	Lê Văn Cáo					0	0	Cha vợ

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
11.4	Nguyễn Thị Thủy					0	0	Mẹ vợ
11.5	Lê Thị Thanh					0	0	Vợ
11.6	Lưu Minh Long					0	0	Con ruột
11.7	Lưu Minh Quân					0	0	Con ruột
11.8	Lưu Quý Hạnh					0	0	Chị ruột
11.9	Đậu Hùng Cường					0	0	Anh rể
11.10	Lưu Ngọc Dung					0	0	Em ruột
11.11	Hồ Quốc Bình					0	0	Em rể
11.12	Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex					0	0	Thành viên HĐQT
11.13	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex					0	0	Thành viên HĐQT
11.14	Công ty Cổ phần Đầu tư & Xây dựng KCN Vĩnh Lộc - Bến Lức					0	0	Thành viên HĐQT
11.15	Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành					0	0	Thành viên HĐQT
12	Võ Văn Đầy		Kế toán trưởng			13.200	0,015%	
12.1	Võ Văn Phận					-	-	Cha ruột (Đã mất)
12.2	Nguyễn Thị Tui					0	0	Mẹ ruột
12.3	Nguyễn Ngọc Đường Hòa Bình					-	-	Cha vợ (Đã mất)
12.4	Nguyễn Thị Hồ					0	0	Mẹ vợ
12.5	Nguyễn Mộng Ngọc					0	0	Vợ
12.6	Võ Nguyễn Bảo Thịnh					0	0	Con ruột
12.7	Võ Quang Trung					0	0	Anh ruột
12.8	Võ Văn Bình					0	0	Anh ruột
12.9	Võ Văn Du					0	0	Anh ruột
12.10	Võ Thị Kim Loan					0	0	Chị ruột
12.11	Võ Văn Quang					0	0	Em ruột

Stt	Họ tên	Tài khoản GDCK (nếu có)	Chức vụ tại Công ty (nếu có)	Số CMND /Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
12.12	Nguyễn Thị Phước Tráng					0	0	Chị dâu
12.13	Nguyễn Thị Lệ Thủy					0	0	Chị dâu
12.14	Nguyễn Thị Nguyễn					0	0	Chị dâu
12.15	Võ Văn Hà					0	0	Anh rể
12.16	Châu Thực Nhi					0	0	Em dâu
12.17	Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh lộc					0	0	Thành viên BKS
13	Nguyễn Thị Thùy Trâm		Thư ký Công ty			0	0	
13.1	Nguyễn Công Trục					0	0	Cha ruột
13.2	Trần Thị Ngà					0	0	Mẹ ruột
13.3	Nguyễn Thị Thùy Trang					0	0	Chị ruột
13.4	Lê Hoàn Vũ					0	0	Anh rể
13.5	Nguyễn Trọng Nghĩa					0	0	Em ruột

Ghi chú: Số Giấy NSH*: Số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số GCN đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 01 năm 2021

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Trần Thị Thanh Nhân

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

Căn cứ các báo cáo tài chính riêng và hợp nhất của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C kiểm toán theo đúng chuẩn mực kế toán Việt Nam và đã được công bố theo quy định, đồng thời được đăng tải trên Website: www.cholimex.com.vn bao gồm:

1. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất;
2. Báo cáo của Kiểm toán độc lập;
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất;
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất;
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Trần Thị Thanh Nhân

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU & ĐẦU TƯ CHỢ LỚN
TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu
và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)**

Thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo các qui định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn, Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cholimex năm 2021 với các nội dung chính như sau:

1. Kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

1.1 Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020

Ban kiểm soát đã thẩm định Báo cáo tài chính năm 2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A & C và thống nhất xác nhận: Báo cáo tài chính năm 2020 đã phản ánh trung thực và hợp lý các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cholimex thời điểm 31/12/2020, được trình bày theo đúng qui định, phù hợp với hệ thống kế toán doanh nghiệp, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành. Một số chỉ tiêu tài chính hợp nhất chủ yếu như sau:

DVT : triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2019	31/12/2020	Tỷ lệ (%)	
				So với năm trước (3=2/1)	Tỷ Trọng/ TTS(NV) 31/12/2020
A	B	1	2	3	4
1	Tổng tài sản	1.888.782	2.124.490	112,5	100
a.	Tài sản ngắn hạn	111.795	189.622	169,6	8,9
b.	Tài sản dài hạn	1.776.987	1.934.868	108,9	91,1
2	Tổng nguồn vốn	1.888.782	2.124.490	112,5	100
a.	Nợ phải trả	749.369	874.571	116,7	41,2
b.	Nguồn vốn CSH	1.139.413	1.249.919	109,7	58,8

(Lưu ý: Báo cáo tài chính chi tiết đã kiểm toán được công bố thông tin trên trang web <https://www.cholimex.vn/co-dong>)

1.2 . Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2020

1.2.1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

Đvt: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020		Tỷ lệ (%)
	Kế hoạch	Thực hiện	So với KH (3=2/1)
A	1	2	3
1. Tổng doanh thu hợp nhất	480,00	597,54	124,49
2. Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	128,40	171,40	133,49
3. Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	111,50	151,24	135,64
4. Lợi nhuận phân phối	78,10	97,14	124,38

Các chỉ tiêu kinh doanh năm 2020 so với năm 2019 đều có tăng trưởng tốt, tổng doanh thu hợp nhất tăng 24,49%, lợi nhuận hợp nhất trước thuế tăng 33,49% và lợi nhuận hợp nhất sau thuế tăng 35,64%

1.2.2 Các nội dung khác

Các nội dung khác được thông qua tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã được công ty thực hiện đúng qui định:

- Trích lập các quỹ và trả cổ tức.
- Lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C thực hiện soát xét, kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty.
- Trích và chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
- Sửa đổi, bổ sung một số điều, khoản của Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.

Ban kiểm soát đánh giá việc thông qua, phê duyệt các nội dung trên được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

1.3 Kết quả giám sát Hội đồng quản trị

Trong năm, Hội đồng quản trị đã tổ chức 3 phiên họp định kỳ và 7 lần lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành 17 nghị quyết và quyết định theo qui định của Điều lệ, qui chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Các cuộc họp đều được ghi biên bản. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền, phù hợp với qui định của pháp luật và điều lệ công ty.

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty như sau:

- Thông qua chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, kế hoạch kinh doanh năm 2020.
- Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất 2019 đã được kiểm toán.
- Thông qua chủ trương vay vốn để đầu tư xây dựng 4 nhà xưởng, mở rộng nâng công suất xử lý nước thải tập trung tại KCN Vĩnh Lộc.
- Thông qua nhân sự, quyền của chủ sở hữu đối với công ty con.

1.4 Kết quả giám sát Ban điều hành

- Ban giám đốc đã điều hành và tổ chức các hoạt động kinh doanh theo đúng các qui định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch theo Nghị quyết Đại hội cổ đông năm 2020: hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

- Thực hiện tốt công tác quản lý tài chính, đảm bảo cân đối nguồn vốn phục vụ đầu tư phát triển hoạt động Công ty; tuân thủ nghiêm túc và đầy đủ các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước; thực hiện công bố thông tin đầy đủ, minh bạch và đúng quy định; thực hiện tốt các chính sách chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, quan tâm công tác đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn của cán bộ nhân viên Công ty.

1.5 Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020

- Ban kiểm soát đã tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Ban điều hành các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

- Trình và đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty.

- Kiểm tra và giám sát việc tuân thủ các qui định của pháp luật của công ty trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc.

- Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đảm bảo tuân thủ các qui định của pháp luật và điều lệ công ty.

- Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của các số liệu tài chính, tuân thủ các chuẩn mực và kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

- Giám sát việc tuân thủ các qui định về công bố thông tin của công ty theo các qui định của pháp luật.

- Thực hiện các công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

1.6 Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban điều hành

- Phối hợp với Hội đồng quản trị, Ban điều hành thông qua việc tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị, giao ban tháng và các buổi làm việc trực tiếp.

- Ban kiểm soát được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban điều hành.

- Ban kiểm soát đã phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc trên nguyên tắc vì lợi ích hợp pháp, tối đa của Công ty, của cổ đông theo đúng các qui định của pháp luật và điều lệ công ty.

2. Kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021

Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát được qui định tại Điều lệ công ty và qui chế hoạt động của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát xác định trọng tâm công tác năm 2021 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các qui định của pháp luật, điều lệ công ty.

- Giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của công ty.

- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của công ty, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát.

113079
CÔNG TY
CỔ PHẦN
NHẬP KI
Ả ĐẦU TƯ
HỢI LỚN
HOLIME
TR HỒ C

- Thực hiện các công việc khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

3. Nhận xét

Thông qua hoạt động kiểm soát năm 2020 cho thấy hoạt động kinh doanh của công ty tuân thủ pháp luật, đúng định hướng nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và có hiệu quả cao.

Từ những nội dung đã trình bày nêu trên, Ban kiểm soát báo cáo và kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét, thông qua các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

Kính chúc sức khỏe Quý đại biểu, Quý cổ đông.

Chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Nguyệt Hằng

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu
và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa
Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính
phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn
một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số
155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi
hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài
chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Thực hiện mục tiêu nâng tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị điều hành,
tính công khai, minh bạch trong hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xuất
nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông
thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài
chính năm 2021 của Công ty như sau:

- Chọn Công ty kiểm toán là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt
Nam, nằm trong Danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch
vụ kiểm toán năm 2021 của Bộ Tài chính;
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán
theo yêu cầu của Công ty.

Với các tiêu chí lựa chọn trên, Ban kiểm soát đề xuất 03 đơn vị kiểm toán để
đưa vào danh sách lựa chọn việc cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm
2021 của Công ty như sau:

- a. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.
- b. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- c. Công ty TNHH Deloitte VN.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông:



- Thông qua các tiêu chí lựa chọn và danh sách 03 công ty kiểm toán độc lập nêu trên để làm căn cứ lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty;

- Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Chúc sức khỏe Quý đại biểu, Quý cổ đông.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp./.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Lê Thị Nguyệt Hằng

Số: 07/TTT - CHOLIMEX-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO

Phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020

Kính gửi:

**Đại hội đồng cổ đông
Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-CHOLIMEX-ĐHCD ngày 04/6/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020;

Căn cứ báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C kiểm toán,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Tỷ lệ trích lập	Thành tiền
	Lợi nhuận phân phối	100%	97.137
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi CNV	5%	4.857
2	Quỹ phúc lợi XH	0,7%	680
3	Quỹ hoạt động của HĐQT và BKS	1,82%	1.768
4	Thưởng vượt kế hoạch (15% lợi nhuận vượt kế hoạch nhưng không quá 200% mức thưởng vượt kế hoạch thực hiện năm 2019)	2,94%	2.856
5	Lợi nhuận còn giữ lại bổ sung vốn kinh doanh	89,54%	86.976

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.



Trần Thị Thanh Nhân

Số: 08 /TTr - CHOLIMEX-HĐQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu
và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

Căn cứ Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

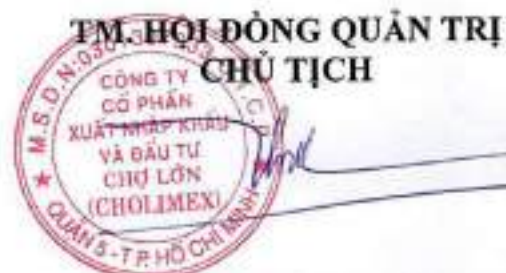
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

STT	Nội dung	Tỷ lệ trích lập
	Lợi nhuận phân phối: 86 tỷ đồng	100%
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi CNV	3,5%
2	Quỹ phúc lợi XH	0,7%
3	Quỹ hoạt động của HĐQT và BKS	1,82%
4	Thưởng vượt kế hoạch (15% lợi nhuận vượt kế hoạch nhưng không quá 200% mức thưởng vượt kế hoạch thực hiện năm trước liền kề)	Theo số thực tế
5	Chia cổ tức	(*)
6	Lợi nhuận còn giữ lại bổ sung vốn hoạt động	93,98%

Ghi chú: () Căn cứ tình hình thực tế thực hiện kế hoạch năm 2021, việc chia cổ tức năm 2021 sẽ do Đại hội đồng cổ đông năm 2022 quyết định.*

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.



Trần Thị Thanh Nhân

TỜ TRÌNH

V/v phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán,

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CHOLIMEX-HĐQT ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021:

1. Phê duyệt “Điều chỉnh – Thay thế Điều lệ Công ty hiện hành và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hiện hành” theo **Điều lệ mẫu, Quy chế nội bộ về quản trị mẫu** được ban hành tại Phụ lục 1,2 kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

2. Phê duyệt **Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát theo mẫu** được ban hành tại Phụ lục 3,4 kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán.

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát được dự thảo mới theo nguyên tắc sau:

- Cơ cấu, trình tự thực hiện theo Điều lệ và Quy chế mẫu;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP bổ sung vào Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty một số nội dung cần thiết mà Điều lệ mẫu và Quy chế mẫu chưa thể hiện.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu (K)

(đính kèm các dự thảo:

1. *Điều lệ tổ chức và hoạt động,*
2. *Quy chế Nội bộ về quản trị,*
3. *Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị Công ty,*
4. *Quy chế hoạt động Ban Kiểm soát Công ty)*



Trần Thị Thanh Nhàn

DỰ THẢO ĐIỀU LỆ



TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	5
CHƯƠNG I: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	7
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	7
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	8
CHƯƠNG III: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	9
Điều 5. Phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh.....	9
Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty.....	14
Điều 7. Quyền của Công ty	15
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	15
CHƯƠNG IV: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN.....	16
Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần.....	16
Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu.....	16
Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác	17
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần.....	17
Điều 13. Cổ phiếu.....	17
Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông	17
Điều 15. Chào bán cổ phần	18
Điều 16. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu.....	18
Điều 17. Bán cổ phần	19
Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần.....	19
Điều 19. Chào bán trái phiếu riêng lẻ	20
Điều 20. Quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ	20
Điều 21. Mua cổ phần, trái phiếu.....	20
Điều 22. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông	20
Điều 23. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty	20
Điều 24. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại.....	21
Điều 25. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức.....	21
CHƯƠNG V: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	22
Điều 26. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	22

CHƯƠNG VI: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	22
Điều 27. Quyền của cổ đông.....	22
Điều 28. Nghĩa vụ của cổ đông.....	24
Điều 29. Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	27
Điều 31. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 32. Thay đổi các quyền	29
Điều 33. Triệu tập họp, thông báo mời họp, chương trình họp, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	30
Điều 34. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	32
Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 36. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	34
Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 38. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	36
Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	37
CHƯƠNG VII: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	38
Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	38
Điều 41. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 42. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 43. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	39
Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 45. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	41
Điều 46. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty	42
Điều 47. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	43
Điều 48. Biên bản họp Hội đồng quản trị	45
Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	46
Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	46
Điều 51. Người phụ trách quản trị công ty	46
CHƯƠNG VIII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	47
Điều 52. Tổ chức bộ máy quản lý	47
Điều 53. Người điều hành Công ty	47
Điều 54. Bổ nhiệm, miễn nhiệm; nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	48
Điều 55. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	49
CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT.....	49
Điều 56. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát	49
Điều 57. Thành phần, tiêu chuẩn; miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát	50

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	51
Điều 59. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	52
Điều 60. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát	52
Điều 61. Trưởng Ban kiểm soát	53
Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát	53
Điều 63. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	53
CHƯƠNG X: QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.....	54
Điều 64. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý Công ty.....	54
Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan	54
Điều 66. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	55
Điều 67. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	56
Điều 68. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan	57
Điều 69. Trách nhiệm của Người quản lý công ty	57
Điều 70. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc	58
CHƯƠNG XI: QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	58
Điều 71. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	58
CHƯƠNG XII: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN	59
Điều 72. Người lao động và công đoàn	59
CHƯƠNG XIII: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	59
Điều 73. Phân phối lợi nhuận	59
Điều 74. Trả cổ tức.....	60
CHƯƠNG XIV: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	61
Điều 75. Tài khoản ngân hàng	61
Điều 76. Năm tài chính	62
Điều 77. Chế độ kế toán.....	62
CHƯƠNG XV: BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	62
Điều 78. Báo cáo tài chính hợp nhất năm, bán niên và quý.....	62
Điều 79. Báo cáo thường niên.....	62
CHƯƠNG XVI: KIỂM TOÁN CÔNG TY	62
Điều 80. Kiểm toán	62
CHƯƠNG XVII: DẤU CỦA CÔNG TY	63
Điều 81. Dấu của Công ty	63
CHƯƠNG XVIII: GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY	63
Điều 82. Giải thể, phá sản công ty	63

Điều 83. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	63
Điều 84. Thanh lý	64
CHƯƠNG XIX: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	64
Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ	64
CHƯƠNG XX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	65
Điều 86. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	65
Điều 87. Hiệu lực	65

PHẦN MỞ ĐẦU

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) quyết định thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 tổ chức vào ngày ... / ... /2021 theo nghị quyết số... ,

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này;
- b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- e) *Ngày thành lập Công ty* là ngày 15/4/1981 (theo Quyết định số 73/QĐ-UB ngày 15/4/1981 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh);
- g) *Công ty* là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) (gọi tắt là Cholimex);
- h) *Người điều hành Công ty* là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng;
- i) *Người quản lý Công ty* là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành Công ty;
- k) *Người nội bộ* là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Công ty, bao gồm: thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty, Giám đốc Tài chính – Kế toán; Thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.

l) *Người có liên quan* là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Công ty và người nội bộ của Công ty;
- Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

m) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

n) *Cổ đông chiến lược* là cổ đông sở hữu từ 20% cổ phần phổ thông trở lên;

o) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

p) *Điều lệ* là bản Điều lệ này;

q) *Pháp luật* có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động doanh nghiệp;

r) *Thành viên Hội đồng quản trị không phải là người điều hành hay thành viên Hội đồng quản trị không điều hành* là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

s) *Đầu tư xây dựng cơ bản*: là những hoạt động với chức năng tạo ra tài sản cố định cho Công ty thông qua các hình thức mua sắm mới, hiện đại hoá hoặc khôi phục các tài sản cố định; xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật các công trình phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

t) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

u) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN,
ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- a) Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**
- b) Tên tiếng Anh: **CHO LON INVESTMENT AND IMPORT EXPORT CORPORATION (CHOLIMEX)**
- c) Tên viết tắt: **CHOLIMEX**

2. Trụ sở đăng ký của Công ty

- a) Địa chỉ trụ sở chính: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
- b) Điện thoại: 028. 38 54 71 02
- c) Fax: 028. 38 5556 82
- d) E-mail: cholimex@cholimex.vn
- d) Website: www.cholimex.vn
- e) Biểu tượng:



3. Công ty được tổ chức dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định của pháp luật Việt Nam, hoạt động kinh doanh theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật, có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

4. Công ty có chức năng trực tiếp sản xuất, kinh doanh và đầu tư tài chính vào các Công ty con, Công ty liên kết; quản lý, chỉ đạo, chi phối các Công ty con, Công ty liên kết theo tỷ lệ nắm giữ vốn điều lệ tại các Công ty đó theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.

5. Công ty có:

- a) Con dấu riêng và được mở tài khoản tiền Đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các ngân hàng trong nước và nước ngoài theo các quy định của Pháp luật có liên quan.
- b) Vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác bằng toàn bộ tài sản của mình; chịu trách nhiệm dân sự và thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với các Công ty con và Công ty liên kết trong phạm vi số vốn do Công ty đầu tư.
- c) Quyền sở hữu đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của Pháp luật.

6. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh trong nước; văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác ở

nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với Quyết định của Hội đồng quản trị và theo quy định của Pháp luật.

7. Công ty có thể thành lập Công ty con do Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ, tham gia thành lập hoặc góp vốn, mua cổ phần trong các Công ty khác để thực hiện hoạt động kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

8. Thời hạn hoạt động: Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại Điều 82 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Công ty có 01 người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

1. Quyền và nghĩa vụ của Người đại diện theo pháp luật Công ty

a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật;

b) Khi xuất cảnh khỏi Việt Nam, Người đại diện theo pháp luật phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền;

c) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại Điểm b khoản này mà người đại diện theo pháp luật chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của công ty trở lại làm việc tại công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty;

d) Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của công ty;

đ) Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

2. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

d) Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại điểm a, điểm b, điểm c Khoản này.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

Kinh doanh có lãi; bảo toàn và phát triển vốn cổ đông; đảm bảo chia cổ tức cho cổ đông và bảo đảm việc làm, đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động.

Điều 5. Phạm vi hoạt động và ngành nghề kinh doanh

1. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm cả trong và ngoài nước.

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trong trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

2. Lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh.

a) Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

b) Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c) Ngành nghề kinh doanh

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/07/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh).	4722
2	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
3	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng thủy sản.	1020
4	Sản xuất hoá chất cơ bản Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng hóa chất.	2011
5	Bán buôn thực phẩm Chi tiết: Bán buôn thực phẩm (không hoạt động tại trụ sở). Mua bán thủy hải sản	4632

6	Bán buôn đồ uống	4633
7	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng nhựa.	2013
8	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng cơ điện	2710
9	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa. Nhập khẩu vật tư, nguyên liệu, thiết bị, máy móc và hàng hóa phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh	4690
10	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt Chi tiết: Sản xuất, chế biến các mặt hàng súc sản.	1010
11	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú) Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng may mặc.	1410
12	Sản xuất vải dệt thoi Chi tiết: Sản xuất các mặt hàng dệt.	1312
13	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán phụ tùng xe	4530
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu (trừ kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng LPG và dầu nhớt cặn)	4661
15	Bưu chính Chi tiết: Đại lý dịch vụ bưu chính	5310
16	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông Chi tiết: Mua bán các loại thẻ viễn thông (thẻ điện thoại, thẻ trò chơi điện tử, thẻ Internet). Kinh doanh ngành điện tử, điện toán. Mua bán thiết bị điện, điện tử dân dụng, hàng điện lạnh, thiết bị viễn thông	4652
17	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm Chi tiết: Mua bán linh kiện, thiết bị vi tính	4651
18	Sản xuất linh kiện điện tử Chi tiết: sản xuất ngành điện tử, điện toán	2610
19	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
20	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán hàng trang trí nội thất. Mua bán phân bón, gỗ trồng. Cung cấp cây xanh cho các nhà máy trong khu công nghiệp	4669
21	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Mua bán xe vận tải, xe ô tô	4511
22	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Mua bán xe gắn máy	4541
23	In ấn Chi tiết: Tạo mẫu, in lụa trên các sản phẩm bao bì	1811
24	Sao chép bản ghi các loại Chi tiết: Ghi hình từ băng hình qua đĩa CD (đám cưới, sinh nhật).	1820
25	Hoạt động viễn thông có dây Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông	6110

26	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Cung cấp nước	3600
27	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: Thu gom rác công nghiệp	3811
28	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Tư vấn kinh tế đối ngoại (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	7020
29	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp. Dịch vụ cho thuê mặt bằng, quây sạp. Kinh doanh địa ốc. Kinh doanh cho thuê văn phòng (chỉ thực hiện đối với những dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt). Đầu tư xây dựng khu du lịch sinh thái, nhà nghỉ, khách sạn. Cho thuê nhà xưởng	6810
30	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn đầu tư, Dịch vụ đầu tư và khiếu hồi (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật)	6619
31	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: dịch vụ cho thuê kho bãi (trừ kinh doanh kho bãi)	5210
32	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: san lấp mặt bằng	4312
33	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán thức ăn nuôi tôm và vật tư nuôi trồng thủy hải sản. mua bán tôm giống.	4620
34	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh nước đá.	3530
35	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Dịch vụ cho thuê nhà nghỉ, khách sạn (không hoạt động tại TP Hồ Chí Minh). Kinh doanh khu du lịch sinh thái, nhà nghỉ, khách sạn (không hoạt động tại TP Hồ Chí Minh)	5510
36	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Kinh doanh cấu kiện sắt thép. Xuất khẩu, nhập khẩu vàng nguyên liệu dưới dạng khối, thỏi, miếng. Bán buôn vàng	4662
37	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Mua bán băng đĩa ca nhạc, vi tính.	4762
38	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ môi giới thương mại. dịch vụ tư vấn và lập thiết kế xây dựng, tư vấn chuyển giao công nghệ. Dịch vụ thương mại. Tư vấn về khoa học kỹ thuật lĩnh vực nông nghiệp	7490
39	Lập trình máy vi tính Chi tiết: lập trình ứng dụng theo yêu cầu của khách hàng	6201
40	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất kinh doanh nước uống đóng chai, nước giải khát trái cây, nước giải khát có gaz (không sản xuất nước giải khát ở các khu dân cư tập trung tại Tp Hồ Chí Minh)	1104

41	Sửa chữa thiết bị liên lạc Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa hệ thống tổng đài, mạng vi tính; linh kiện thiết bị vi tính; điện; hàng điện lạnh; thiết bị viễn thông. Lắp đặt, sửa chữa điện tử dân dụng	9512
42	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng Chi tiết: Lắp đặt, sửa chữa mạng vi tính, linh kiện, thiết bị vi tính.	9521
43	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (không hoạt động tại trụ sở)	2392
44	Nuôi trồng thủy sản nội địa Chi tiết: Nuôi trồng thủy hải sản	0322
45	Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì Chi tiết: Sản xuất kinh doanh các loại bao bì bằng giấy, PP, PE, (trừ tái chế phế thải)	1702
46	Sản xuất các cấu kiện kim loại sản xuất sản phẩm cơ khí (không hoạt động tại trụ sở)	2511
47	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
48	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, giày da	3290
49	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
50	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ vàng	4773
51	Chế biến và bảo quản rau quả Chi tiết: sản xuất, chế biến nông sản	1030
52	Xây dựng công trình đường sắt	4211
53	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: dịch vụ văn phòng	8299
54	Xây dựng công trình đường bộ	4212
55	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: sản xuất, chế biến lâm sản, thực phẩm, công nghệ phẩm	1079
56	Xây dựng công trình thủy	4291
57	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng. Kinh doanh bê tông đúc sẵn	4663
58	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
59	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
60	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
61	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải xăng dầu bằng ô tô	4933
62	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn và dịch vụ về nhà, đất.	6820
63	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá tài sản)	4610
64	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

65	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, bình gas, hóa chất, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4719
66	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
67	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ (Không hoạt động tại trụ sở)	4631
68	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
69	Dịch vụ phục vụ đồ uống (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ).	5630
70	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
71	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: Cung cấp bữa ăn công nghiệp	5629
72	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4711
73	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh (Thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch kinh doanh nông sản, thực phẩm trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4721
74	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
75	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
76	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
77	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
78	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772

79	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, bình gas, hóa chất, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4791
80	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ bán lẻ khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, bình gas, hóa chất, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí và thực hiện theo Quyết định 64/2009/QĐ-UBND ngày 31/7/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định 79/2009/QĐ-UBND ngày 17/10/2009 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt quy hoạch nông sản trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh)	4799
81	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
82	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
83	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
84	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
85	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
86	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
87	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
88	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220
89	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ, không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)	8230
90	Dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất, phân bón)	8292
91	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ kinh doanh bến bãi ô tô, hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)	5229
92	Hoạt động viễn thông khác (trừ bán lại hạ tầng viễn thông và mạng cung cấp)	6190
93	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
94	Sản xuất điện Chi tiết: Điện mặt trời	3511

Điều 6. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, Pháp luật và Điều lệ tổ chức.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội tại Công ty, không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

Điều 7. Quyền của Công ty

1. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà luật không cấm.
2. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh; chủ động lựa chọn ngành, nghề, địa bàn, hình thức kinh doanh; chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
3. Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn.
4. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và ký kết hợp đồng.
5. Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu.
6. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật về lao động.
7. Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh; được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
8. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản của Công ty.
9. Từ chối yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân về cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật.
10. Khiếu nại, tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.
11. Quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

1. Đáp ứng đủ điều kiện đầu tư kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.
2. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký doanh nghiệp, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, công khai thông tin về thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, báo cáo và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của thông tin kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và các báo cáo; trường hợp phát hiện thông tin đã kê khai hoặc báo cáo thiếu chính xác, chưa đầy đủ thì phải kịp thời sửa đổi, bổ sung các thông tin đó.
4. Tổ chức công tác kế toán, nộp thuế và thực hiện các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
5. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật; không phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong Công ty; không ngược đãi lao động, cưỡng bức lao động hoặc sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật; hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động tham gia đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng nghề; thực hiện các chính sách, chế

độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.

6. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 9. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 866.000.000.000 VND (Tám trăm sáu mươi sáu tỷ đồng chẵn).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 86.600.000 cổ phần với mệnh giá của mỗi cổ phần là 10.000 VND (mười ngàn đồng).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 27, Điều 28 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 13 Điều lệ này.

3. Trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 11. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ cổ phần của cổ đông chiến lược được thực hiện theo cam kết và trường hợp khác do pháp luật quy định; cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Cổ phiếu

1. Cổ phiếu là chứng chỉ do Công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty. Cổ phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;

b) Số lượng cổ phần và loại cổ phần;

c) Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty;

e) Số đăng ký tại sở đăng ký cổ đông của Công ty và ngày phát hành cổ phiếu;

g) Nội dung khác theo quy định tại các điều 116, 117 và 118 của Luật Doanh nghiệp đối với cổ phiếu của cổ phần ưu đãi.

2. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu cổ phiếu đó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

Điều 14. Sổ đăng ký cổ đông

1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông công ty.

2. Sổ đăng ký cổ đông phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty;

b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được, quyền chào bán của từng loại;

c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;

d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;

đ) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.

3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông, cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông công ty trong sổ đăng ký cổ đông.

4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

5. Công ty phải cập nhật kịp thời thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 15. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 16. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu

1. Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là trường hợp công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán và bán toàn bộ số cổ phần đó cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ tại Công ty.

2. Trường hợp số lượng cổ phần dự kiến chào bán không được cổ đông và người nhận chuyển quyền ưu tiên mua đăng ký mua hết thì Hội đồng quản trị có quyền bán số cổ phần được quyền chào bán còn lại cho cổ đông của Công ty và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phần được coi là đã bán khi được thanh toán đủ và những thông tin về người mua quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần trở thành cổ đông của Công ty.

4. Sau khi cổ phần được thanh toán đầy đủ, công ty phát hành và giao cổ phiếu cho người mua; trường hợp không giao cổ phiếu, các thông tin về cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này được ghi vào sổ đăng ký cổ đông để chứng thực quyền sở hữu cổ phần của cổ đông đó trong Công ty.

Điều 17. Bán cổ phần

Hội đồng quản trị Công ty quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

1. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở Công ty.

2. Cổ phần bán cho người môi giới hoặc người bảo lãnh; trường hợp này, số chiết khấu hoặc tỷ lệ chiết khấu cụ thể phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trường hợp khác và mức chiết khấu trong các trường hợp đó do nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 18. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần Công ty được tự do chuyển nhượng.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng hoặc giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký. Trường hợp giao dịch trên thị trường chứng khoán thì trình tự, thủ tục chuyển nhượng được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

6. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 14 của Điều lệ này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

7. Công ty phải đăng ký thay đổi cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu của cổ đông có liên quan trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 19. Chào bán trái phiếu riêng lẻ

Công ty thực hiện chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 20. Quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ

1. Công ty quyết định chào bán trái phiếu riêng lẻ theo quy định sau đây:

a) Đại hội đồng cổ đông quyết định về loại, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán đối với trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm theo chứng quyền. Việc biểu quyết thông qua nghị quyết về chào bán trái phiếu riêng lẻ của công ty được thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Hội đồng quản trị có quyền quyết định loại trái phiếu, tổng giá trị trái phiếu và thời điểm chào bán, nhưng phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Báo cáo phải kèm theo tài liệu và hồ sơ về chào bán trái phiếu.

2. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phần.

Điều 21. Mua cổ phần, trái phiếu

Cổ phần, trái phiếu của công ty có thể được mua bằng Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật hoặc tài sản khác theo thông báo tại thời điểm phát hành và phải được thanh toán đủ một lần.

Điều 22. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 23. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này. Đối với cổ phần loại khác, nếu Công ty và cổ đông có

liên quan không có thỏa thuận khác thì giá mua lại không được thấp hơn giá thị trường.

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá mua lại hoặc nguyên tắc định giá mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông bán cổ phần của họ cho công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức để bảo đảm đến được công ty trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nêu trên.

Điều 24. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần được mua lại

1. Công ty chỉ được thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Điều lệ này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

2. Cổ phần được mua lại theo quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Điều lệ này được coi là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho công ty. Công ty phải đăng ký giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

3. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc phải liên đới chịu trách nhiệm về thiệt hại do không tiêu hủy hoặc chậm tiêu hủy cổ phiếu.

4. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.

Điều 25. Thu hồi tiền thanh toán cổ phần được mua lại hoặc cổ tức

Trường hợp việc thanh toán cổ phần được mua lại trái với quy định tại khoản 1 Điều 24 của Điều lệ này hoặc trả cổ tức trái với quy định tại Điều 74 của Điều lệ này, cổ đông phải hoàn trả cho công ty số tiền, tài sản khác đã nhận; trường hợp cổ đông không hoàn trả được cho công ty thì tất cả thành viên Hội đồng quản trị phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị số tiền, tài sản đã trả cho cổ đông mà chưa được hoàn lại.

CHƯƠNG V CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 26. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát.
4. Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 27. Quyền của cổ đông

Cổ đông của Công ty có thể là tổ chức hoặc cá nhân, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 22 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và các trường hợp theo quy định tại Điều 29 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hợp nhất bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

4. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

a) Tổ chức là cổ đông công ty có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền;

b) Trường hợp cổ đông công ty là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền;

c) Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

- Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

- Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

d) Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Cổ đông là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết, trừ trường hợp doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác.

Điều 28. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định của pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp

của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 29. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được thực hiện tất cả các quyền hạn của mình mà không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng quản trị theo Điều lệ này. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính hợp nhất năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát;

Xác định thời gian và địa điểm họp;

Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;

Công việc khác phục vụ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 30. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 68 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho *Người quản lý Công ty* không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của *Người quản lý Công ty* mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- *Người quản lý Công ty* và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 32. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp

hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 34, 35 và 36 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 33. Triệu tập họp, thông báo mời họp, chương trình họp, danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; danh sách phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

b) Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký có quyền yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 34. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 35. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Biểu quyết

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến thông qua các hình thức sau:

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết:

Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết:

Phiếu biểu quyết có thông tin họ tên cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần biểu quyết, nội dung biểu quyết tương ứng với các ý kiến biểu quyết "tán thành", "không tán thành", "không có ý kiến", hướng dẫn tóm tắt cách thức biểu quyết và phần chữ ký xác nhận;

c) Bỏ phiếu điện tử:

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền bỏ phiếu điện tử thay phiếu biểu quyết;

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền sử dụng các hình thức biểu quyết tại Khoản này theo quy định tại Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty.

3. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

4. Bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một đến hai thành viên Hội đồng quản trị tham gia Đoàn chủ tọa; cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Quyền của chủ tọa và người triệu tập họp đại hội

a) Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

b) Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp

để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

c) Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp đại hội đồng cổ đông có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục; có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và phải quy định cụ thể tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 36. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp sau:

a) Quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 42 Điều lệ này;

c) Thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Khoản 9 Điều 37 Điều lệ này;

d) Thông qua nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ này.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 37. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp sau phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi ý kiến trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Phiếu lấy ý kiến được gửi thư hoặc fax hoặc thư điện tử:
 - Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

b) Bỏ phiếu điện tử: Cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử theo tài liệu hướng dẫn (nếu có) được gửi kèm các văn bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này, kết quả bỏ phiếu phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc không tuân thủ quy định tại Khoản 4 Điều này hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Cổ đông chỉ được chọn một trong các hình thức gửi ý kiến quy định tại Khoản này.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- d) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- d) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 39. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 36 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 40. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ này, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa tại 05 công ty khác.

Điều 41. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

b) Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên;

c) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này.

3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 42. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 43. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Điều lệ này;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ xuống được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 30, khoản 1 và khoản 3 Điều 68 Điều lệ này;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;

k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty;

l) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

m) Quyết định và/hoặc phân cấp việc cử người đại diện theo ủy quyền tham gia cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp có vốn góp của công ty;

n) Quyết định và/hoặc phân cấp việc cử người đại diện của Công ty làm đại diện phần vốn góp, tham gia ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

o) Giám sát, chỉ đạo Người điều hành Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập, cơ cấu tổ chức Công ty con; việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

u) Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; quyết định và phân cấp quyết định các quy chế quản lý nội bộ phục vụ quản lý, điều hành khác Công ty;

v) Phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty các quyền thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, việc phân cấp phải được thể hiện trong Quy chế quản trị nội bộ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc bằng văn bản cụ thể;

x) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 45, Điều 64 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ) Kết quả giám sát đối với Người điều hành Công ty;

e) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 44. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người điều hành Công ty phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 45. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong

việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 46. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt tại Việt Nam hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Thư ký Công ty:

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm từ 01 đến 02 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

a) Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

Làm biên bản các cuộc họp;

Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

Tham dự các cuộc họp;

Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b) Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

c) Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 47. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng

quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

13. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp chưa có bằng chứng xác định thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 68 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 48. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 49. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 40 của Điều lệ này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 50. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 51. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

CHƯƠNG VIII NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 52. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có 01 Tổng Giám đốc, tối đa 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 41 Điều lệ này.

2. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 53. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 54. Bổ nhiệm, miễn nhiệm; nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

7. Tư cách Tổng Giám đốc của Công ty không còn trong các trường hợp sau:

- a) Bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành;
- b) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- c) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp Tổng Giám đốc không còn tư cách Tổng Giám đốc theo khoản 7 Điều này, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc trong trường hợp chưa bổ nhiệm người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

9. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này.

Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo ủy quyền.

Điều 55. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm với Phó Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc. Việc ủy quyền có liên quan đến ký Hợp đồng hoặc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

2. Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm với Kế toán trưởng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng theo Hợp đồng lao động đã ký kết và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IX BAN KIỂM SOÁT

Điều 56. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy

định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Thành phần, tiêu chuẩn; miễn nhiệm, bãi nhiệm Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm, cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, và Người điều hành Công ty.

d) Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

13. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty.

14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

15. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Trình báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 59. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 60. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 61. Trường Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Ký ban hành quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 62. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 63. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp,

quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

QUYỀN LỢI, TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 64. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý Công ty

Công ty có quyền trả lương, thù lao, thưởng cho Người quản lý Công ty theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Điều 65. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty:

a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, thuê mua cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

d) Người quản lý Công ty, người đại diện theo pháp luật, Thành viên Ban Kiểm soát;

đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Thành viên Ban Kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

2. Người quản lý Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, Người quản lý Công ty có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Người quản lý Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 66. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Người quản lý Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ này.

2. Người quản lý Công ty và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Người quản lý Công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Người quản lý Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên là Người quản lý Công ty và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên là Người quản lý Công ty đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên là Người quản lý Công ty đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 67. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Người quản lý Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, Người quản lý Công ty, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

Điều 68. Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan sau đây:

a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của công ty và người có liên quan của họ;

b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp mà Người quản lý Công ty phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 65 của Điều lệ này.

2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch theo quy định khoản 1 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất. Trường hợp này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Thành viên Ban Kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều 36 và khoản 9 Điều 37 Điều lệ này.

5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 69. Trách nhiệm của Người quản lý công ty

1. Người quản lý Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;

c) Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 65 của Điều lệ này;

d) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật.

2. Người quản lý Công ty vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đến bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho công ty và bên thứ ba.

Điều 70. Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:

a) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 69 của Điều lệ này;

b) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Điều này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

CHƯƠNG XI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 71. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hợp nhất giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Người quản lý Công ty có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hợp nhất năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 72. Người lao động và công đoàn

1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và Người điều hành Công ty.

2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 73. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Lợi nhuận sau thuế của Công ty cuối mỗi năm tài chính được phân phối theo qui định của pháp luật và điều lệ này, cụ thể :

a) Chia lãi cho các thành viên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng (nếu có);

b) Trích lập các quỹ đầu tư phát triển, khen thưởng, phúc lợi và các quỹ không bắt buộc khác theo một tỷ lệ nhất định do Hội đồng quản trị đề nghị, Đại hội đồng cổ đông quyết định;

c) Phân chia cổ tức cho cổ đông. Mức chia do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

d) Trong trường hợp sản xuất kinh doanh thua lỗ, Công ty sẽ chuyển lỗ sang năm sau để được trừ vào thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Thời gian chuyển lỗ theo quy định của pháp luật.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 74. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của công ty. Công ty cổ phần chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

c) Ngay sau khi trả hết số cổ tức, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của công ty hoặc bằng tài sản khác quy định tại Điều lệ công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất là 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng ký cổ đông chậm nhất là 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Tên công ty và địa chỉ trụ sở chính của công ty;
- b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
- c) Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
- d) Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông; mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
- đ) Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của công ty.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, công ty không phải làm thủ tục chào bán cổ phần theo quy định tại các điều 15, điều 16 của Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

CHƯƠNG XIV TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 75. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 76. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Điều 77. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ Kế toán Việt Nam (VAS).
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 78. Báo cáo tài chính hợp nhất năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hợp nhất năm và báo cáo tài chính hợp nhất năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính hợp nhất năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính hợp nhất năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính hợp nhất bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
4. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hợp nhất năm được kiểm toán, báo cáo bán niên được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 79. Báo cáo thường niên

Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 80. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất

của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính hợp nhất năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

CHƯƠNG XVII DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 81. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ CÔNG TY

Điều 82. Giải thể, phá sản công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

3. Công ty có thể bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định của pháp luật.

Điều 83. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới Tòa án để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều nhóm/các nhóm cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

4. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 84. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Điểm a đến Điểm d. Khoản này được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Người quản lý Công ty;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 86. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 87. Hiệu lực


1. Bản điều lệ này gồm 20 Chương, 87 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 02 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

(Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty)



DỰ THẢO
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ
ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	4
Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty	4
Điều 3. Giải thích thuật ngữ	5
CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	6
Điều 4. Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 5. Hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 6. Trình tự, thủ tục của các hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	8
MỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP	8
Điều 7. Thẩm quyền triệu tập, thông báo về việc chốt danh sách và thông báo triệu tập, chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông	8
Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 9. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	10
Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 11. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	11
Điều 12. Thể thức tiến hành họp, cách thức biểu quyết, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	11
Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua	13
Điều 14. Phản đối (yêu cầu hủy bỏ) nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 15. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 16. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	15
MỤC 2: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN	16
Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	16
MỤC 3: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN HOẶC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN	17
Điều 18. Trình tự, thủ tục họp đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến	17
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	18
Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị	18
MỤC 1: ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20

Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu và tiêu chuẩn điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	21
Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty	22
MỤC 2: THÙ LAO, THƯỜNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	24
Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	24
MỤC 3: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,	24
Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	24
Điều 28. Thông báo họp Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban Kiểm soát.....	25
Điều 30. Điều kiện tổ chức họp và việc ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị	25
Điều 31. Cách thức biểu quyết, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	25
Điều 32. Biên bản họp Hội đồng quản trị	26
MỤC 4: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	27
Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	27
MỤC 5: LỰA CHỌN, BỎ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	27
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty	27
MỤC 6: ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	28
Điều 35. Đảm bảo vật chất.....	28
Điều 36. Chỉ định Thư ký Công ty	28
CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT	29
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	29
Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	30
Điều 39. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát.....	30
Điều 40. Thành phần, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát.....	31
Điều 41. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát	31
Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	32
Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát.....	32
Điều 44. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	32
Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	33
CHƯƠNG V: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	33

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý	33
Điều 47. Người điều hành Công ty	33
Điều 48. Tổng Giám đốc Công ty	34
Điều 49. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	35
CHƯƠNG VI: QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	35
Điều 50. Mối quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	35
Điều 51. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc	36
CHƯƠNG VII: ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY	37
Điều 52. Tiêu chuẩn đánh giá và cách thức thực hiện	37
Điều 53. Hình thức khen thưởng và kỷ luật	37
Điều 54. Tổ chức bộ máy đánh giá khen thưởng, kỷ luật	38
Điều 55. Phân cấp đánh giá, khen thưởng và kỷ luật	38
CHƯƠNG VIII: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	39
Điều 56. Công bố thông tin về quản trị Công ty	39
CHƯƠNG IX: TỔ CHỨC THỰC HIỆN	39
Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	39
Điều 58. Hiệu lực thi hành	39

10/884405/15

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN
(CHOLIMEX)**

(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-CHOLIMEX-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex))

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị Công ty đối với Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

Điều 2. Nguyên tắc quản trị Công ty

1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý.
3. Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
4. Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan.
5. Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông.
6. Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

b) “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và kiểm soát một cách công khai, minh bạch và hiệu quả. Đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông Công ty và những người có liên quan đến Công ty;

c) “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành” là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;

d) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Công ty và người nội bộ của Công ty;
- Công ty và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Công ty;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mỗi quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;
- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

đ) “Người điều hành Công ty” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty;

e) *Người quản lý Công ty* là thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát và Người điều hành Công ty

2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó và được áp dụng tại thời điểm văn bản có hiệu lực.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Quy chế này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới việc giải thích và nội dung của các điều khoản trong Quy chế.

CHƯƠNG II ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 4. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, được thực hiện tất cả các quyền hạn của mình mà không bị giới hạn hoặc ảnh hưởng bởi các quyền của Hội đồng quản trị theo Quy chế này.

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại; Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;

e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% nhưng không quá 30% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 68 Điều lệ Công ty với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch theo quy định tại Khoản 3 Điều này;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Giao dịch theo quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho Người quản lý Công ty không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của Người quản lý Công ty mà công ty và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất với một trong các đối tượng sau:

- Người quản lý Công ty và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 65 Điều lệ Công ty;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Căn cứ tình hình thực tế và quy định của pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động; Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông để thông qua nghị quyết bằng một trong các hình thức:

1. Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Lấy ý kiến bằng văn bản.
3. Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến.
4. Hội nghị trực tuyến.

Điều 6. Trình tự, thủ tục của các hình thức họp thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Mục 1, Chương II của Quy chế này.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản quy định tại Mục 2, Chương II của Quy chế này.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến và hình thức hội nghị trực tuyến quy định tại Mục 3, Chương II của Quy chế này.

MỤC 1

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP

Điều 7. Thẩm quyền triệu tập, thông báo về việc chốt danh sách và thông báo triệu tập, chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 29 Điều lệ Công ty.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
- c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
- d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
- d) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
- e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
- g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 05% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; danh sách phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

2. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Đối với cổ đông chưa thực hiện lưu ký có quyền yêu cầu sửa đổi thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu.

Điều 9. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 6 Điều 28 Điều lệ Công ty.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 10. Cách thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền đăng ký tham dự cuộc họp chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, việc ủy quyền phải được thực hiện bằng văn bản theo quy định tại Điều 9 Quy chế này.

2. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

a) Đến đăng ký trực tiếp tại Công ty;

b) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự theo đường bưu điện;

c) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự qua fax;

d) Gửi đăng ký tham dự hoặc ủy quyền tham dự qua thư điện tử;

đ) Đăng ký tham dự qua điện thoại cho người hoặc bộ phận được Công ty chỉ định theo thông báo mời họp.

Điều 11. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 12. Thể thức tiến hành họp, cách thức biểu quyết, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Biểu quyết

Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến thông qua các hình thức sau:

a) Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

b) Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Phiếu biểu quyết có thông tin họ tên cổ đông, mã cổ đông, số cổ phần biểu quyết, nội dung biểu quyết tương ứng với các ý kiến biểu quyết “tán thành”, “không tán thành”, “không có ý kiến”, hướng dẫn tóm tắt cách thức biểu quyết và phần chữ ký xác nhận.

c) Bỏ phiếu điện tử: Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền bỏ phiếu điện tử thay phiếu biểu quyết.

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền sử dụng các hình thức biểu quyết tại Khoản này theo quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

3. Bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một đến hai thành viên Hội đồng quản trị tham gia Đoàn chủ tọa; cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

4. Kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu:

a) Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông bầu phải tổ chức kiểm phiếu ngay sau khi kết thúc việc biểu quyết. Chủ tọa có thể mời cổ đông hoặc thành viên Ban kiểm soát Công ty tham gia giám sát việc kiểm phiếu;

b) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo tỷ lệ phiếu quy định tại Điều 13 Quy chế này;

c) Kết quả kiểm phiếu phải được công bố ngay tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

6. Quyền của chủ tọa và người triệu tập họp đại hội

a) Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

- Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội;

Người triệu tập họp có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

b) Chủ tọa đại hội có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định nêu trên, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

c) Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp đại hội đồng cổ đông có quyền:

- Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

7. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục; có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và phải hướng dẫn cụ thể tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Điểm b, Điểm c, Điểm d Khoản 2 Điều này:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty.

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ các trường hợp sau:

a) Quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 23 Quy chế này;

c) Thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Khoản 9 Điều 17 Quy chế này;

d) Thông qua nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi theo quy định tại Khoản 1 Điều 32 Điều lệ Công ty.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;

b) Định hướng phát triển công ty;

c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm;

g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

Điều 14. Phản đối (yêu cầu hủy bỏ) nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 13 Quy chế này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ

trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 15. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 16. Công bố Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm được thông qua.

MỤC 2

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN

Điều 17. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi ý kiến trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Phiếu lấy ý kiến được gửi thư hoặc fax hoặc thư điện tử:

- Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

- Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

b) Bỏ phiếu điện tử: Cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử theo hướng dẫn được gửi kèm các văn bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này, kết quả bỏ phiếu phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc không tuân thủ quy định tại Khoản 4 Điều này hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết. Cổ đông chỉ được chọn một trong các hình thức gửi ý kiến quy định tại Khoản này.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

MỤC 3

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC HỘI NGHỊ TRỰC TIẾP KẾT HỢP VỚI TRỰC TUYẾN HOẶC HỘI NGHỊ TRỰC TUYẾN

Điều 18. Trình tự, thủ tục họp đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến để thông qua nghị quyết của Đại

hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 13 Quy chế này.

2. Khi quyết định tổ chức họp đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến hoặc hội nghị trực tuyến, Hội đồng quản trị Công ty phải quy định rõ các nội dung sau trong Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông (hoặc hướng dẫn cụ thể) được gửi kèm thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Thông báo triệu tập họp;
- b) Cách thức đăng ký tham dự họp;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện tham dự họp;
- d) Điều kiện tiến hành;
- đ) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 19. Quyền hạn và nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ xuống được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 4 Quy chế này, khoản 1 và khoản 3 Điều 68 Điều lệ Công ty;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;

k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty;

l) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

m) Quyết định và/hoặc phân cấp việc cử người đại diện theo ủy quyền tham gia cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp có vốn góp của công ty;

n) Quyết định và/hoặc phân cấp việc cử người đại diện của Công ty làm đại diện phần vốn góp, tham gia ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

o) Giám sát, chỉ đạo Người điều hành Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập, cơ cấu tổ chức Công ty con; việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

u) Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; quyết định và phân cấp quyết định các quy chế quản lý nội bộ phục vụ quản lý, điều hành khác Công ty;

v) Phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty các quyền thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, việc phân cấp phải được thể hiện trong Quy chế quản trị nội bộ Công ty hoặc quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hoặc bằng văn bản cụ thể;

x) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26 Quy chế này và Điều 64 Điều lệ Công ty;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ) Kết quả giám sát đối với Người điều hành Công ty;

e) Các kế hoạch trong tương lai.

4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

a) Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty;

b) Người điều hành Công ty phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

MỤC 1

ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu và tiêu chuẩn điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

b) Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên;

c) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa tại 05 công ty khác.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 24 Quy chế này.

4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 21. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh.
2. Trình độ chuyên môn.
3. Quá trình công tác.
4. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác).
5. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty.
6. Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

Điều 22. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với

tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 24. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 20 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 25. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thư ký Công ty

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt tại Việt Nam hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình từ 30 ngày trở lên thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Thư ký Công ty:

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm từ 01 đến 02 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

a) Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

Làm biên bản các cuộc họp;

Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp;

Tham dự các cuộc họp;

Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

b) Thư ký Công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; trong việc áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

c) Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

MỤC 2 THÙ LAO, THƯỞNG VÀ LỢI ÍCH KHÁC CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

MỤC 3 TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;

b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị

Điều 28. Thông báo họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty

Điều 29. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 30. Điều kiện tổ chức họp và việc ủy quyền cho người khác dự họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 31. Cách thức biểu quyết, thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 2 Điều 30 Quy chế này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Biểu quyết

a) Trừ quy định tại Điểm b Khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 30 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết;

b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c) Theo quy định tại Điểm d Khoản này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, quyết định của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp chưa có bằng chứng xác định thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan;

d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 68 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

Điều 32. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian, địa điểm họp;

c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

MỤC 4

CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người, bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

MỤC 5

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

2. Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

a) Có hiểu biết về pháp luật;

b) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm.

MỤC 6

ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 35. Đảm bảo vật chất

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.

2. Phòng Nhân sự Hành chính Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên là Người điều hành Công ty, Công ty con và đơn vị trực thuộc Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 36. Chỉ định Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.

2. Thư ký Công ty có các nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Khoản 6 Điều 25 Quy chế này.

CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



13. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty.

14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

15. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Trình báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 39. Trách nhiệm của Thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách

nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 40. Thành phần, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm, cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, và Người điều hành Công ty.

d) Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

d) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 41. Ứng cử, đề cử, bầu thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải

được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

3. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định bầu thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 23 Quy chế này.

Điều 42. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 43. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

d) Ký ban hành quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 44. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các

biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Điều 45. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 46. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có 01 Tổng Giám đốc, tối đa 04 Phó Tổng Giám đốc và 01 Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, nhưng phải đảm bảo tỷ lệ theo quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 41 Điều lệ Công ty.

2. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 47. Người điều hành Công ty

1. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

3. Tiền lương của Người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Tổng Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.

2. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chính của Công ty.

5. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế. Các trường hợp có thể xem xét miễn nhiệm:

a) Đẻ doanh nghiệp thua lỗ hai năm liên tiếp;

b) Theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;

c) Tư lợi cá nhân, vi phạm nội quy, quy chế Công ty.

d) Có đơn xin từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận.

đ) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án

e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật

7. Trường hợp Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm theo khoản 6 Điều này, Hội đồng quản trị phải tạm cử người để đảm nhiệm công việc của Tổng Giám đốc trong trường hợp chưa bổ nhiệm người thay thế. Trong thời hạn 30 ngày làm việc, Hội đồng quản trị phải tiến hành thủ tục bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới.

8. Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành Công ty được thông báo trong Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, những người điều hành còn lại và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật về công bố thông tin và Điều lệ Công ty.

9. Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho các Phó Tổng Giám đốc hoặc các chức danh khác của Công ty thay mặt mình giải quyết hoặc thi hành một số công việc nhất định, nhưng Tổng Giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về sự ủy quyền này.

Người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và pháp luật về những công việc mình làm theo ủy quyền.

Điều 49. Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

1. Phó Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm với Phó Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Phó Tổng Giám đốc giúp Tổng Giám đốc theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc. Việc ủy quyền có liên quan đến ký Hợp đồng hoặc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản.

2. Kế toán trưởng Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức theo đề nghị của Tổng Giám đốc. Thời hạn bổ nhiệm với Kế toán trưởng không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại. Kế toán trưởng giúp Tổng Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê của Công ty. Quyền hạn và trách nhiệm của kế toán trưởng theo Hợp đồng lao động đã ký kết và quy định của pháp luật

3. Tiền lương của Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty.

CHƯƠNG VI

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 50. Mọi quan hệ phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, đề ra các chính sách và chiến lược phát triển cho Công ty, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong điều hành công việc kinh doanh; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật đối với việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Tổng Giám đốc điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật đối với việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại

hội đồng cổ đông và trước pháp luật đối với việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 51. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Quá trình đề ra chính sách và chiến lược phát triển cho Công ty của Hội đồng quản trị phải có sự tham gia, góp ý của Tổng Giám đốc và/hoặc Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền phụ trách lĩnh vực có liên quan để xác định các khả năng thực tế, đảm bảo tính khả thi của chính sách, chiến lược phát triển. Hội đồng quản trị, căn cứ vào nội dung các cuộc họp và các hoạt động khác của mình, chủ động mời thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và/hoặc Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền phụ trách lĩnh vực có liên quan tham dự. Hội đồng quản trị mời dự họp bằng Thông báo mời họp. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc tham dự có trách nhiệm trả lời các vấn đề mà Hội đồng quản trị đặt ra và có quyền đưa ra các nhận định riêng của mình để góp ý cho Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải gửi thư mời họp và tài liệu kèm theo đến Trưởng ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

3. Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi cho Tổng Giám đốc để thực hiện và cho Ban kiểm soát để thông báo. Tổng Giám đốc có nhiệm vụ điều hành và chỉ đạo các đơn vị, cá nhân trong Công ty thi hành đầy đủ các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị. Nếu việc điều hành trái với các quyết định mà gây thiệt hại cho Công ty, Tổng Giám đốc và các cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty. Khi tổ chức thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện vấn đề có thể không có lợi cho Công ty hoặc Cổ đông thì Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại Nghị quyết, Quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và thông báo cho Ban kiểm soát.

4. Hoạt động của Tổng Giám đốc cần được Hội đồng quản trị theo dõi và phối hợp chặt chẽ. Thành viên Hội đồng quản trị được giao nhiệm vụ theo dõi các lĩnh vực hoạt động nhất định của Công ty phải thường xuyên liên hệ với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền phụ trách lĩnh vực có liên quan để nắm được tình hình của Công ty trong các lĩnh vực đó. Tổng Giám đốc, căn cứ các hoạt động cụ thể của mình, chủ động mời thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát có liên quan tham dự các cuộc họp để phối hợp và giám sát công việc. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

5. Định kỳ Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cho Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

6. Ban kiểm soát chủ động kiểm tra, giám sát các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát chủ động đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc bố trí để Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp, các hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền phụ trách lĩnh vực có liên

quan khi thấy cần thiết. Việc tham dự của Ban kiểm soát không được làm ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và Công ty.

7. Ban kiểm soát chủ động mời thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và/hoặc Phó Tổng Giám đốc đã được ủy quyền phụ trách lĩnh vực có liên quan tham dự các cuộc họp của mình. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc tham dự có trách nhiệm trả lời các vấn đề mà Ban kiểm soát đặt ra, có quyền phát biểu đóng góp ý kiến, nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

8. Tổng Giám đốc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp để xin ý kiến, nếu:

a) Việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị gặp khó khăn hoặc không thực hiện được;

b) Quyết định những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng Giám đốc.

9. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp nếu có vấn đề bất cập liên quan đến việc quản lý và điều hành Công ty cần Hội đồng quản trị xem xét và giải quyết.

10. Hội đồng quản trị họp định kỳ để đánh giá việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị về điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Ban Tổng Giám đốc.

CHƯƠNG VII

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG, KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 52. Tiêu chuẩn đánh giá và cách thức thực hiện

1. Đối với thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát:

a) Thực hiện có hiệu quả các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2. Đối với Người điều hành Công ty:

a) Thể hiện được năng lực quản lý và điều hành đối với lĩnh vực được phân công phụ trách; thực hiện tốt và hoàn thành vượt mức nhiệm vụ, kế hoạch được giao;

b) Điều hành có hiệu quả toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo mang lại lợi ích thiết thực, chính đáng cho các cổ đông, cán bộ, nhân viên và vì sự phát triển của Công ty;

c) Gương mẫu trong làm việc và đạo đức, lối sống;

d) Không bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 53. Hình thức khen thưởng và kỷ luật

1. Tùy vào thành tích và mức độ đóng góp của từng thành viên để áp dụng các hình thức khen thưởng sau:

a) Khen thưởng đột xuất và theo tháng, theo quý.

b) Khen thưởng vượt kế hoạch lợi nhuận, tỷ lệ cụ thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua hàng năm.

c) Bổ nhiệm, đề bạt, xóa kỷ luật, nâng lương trước thời hạn.

2. Các hình thức kỷ luật áp dụng quy định của Bộ Luật Lao động, Nội quy Công ty.

3. Hội đồng quản trị, khi báo cáo kết quả hoạt động hàng năm trước Đại hội đồng cổ đông, cùng với việc đánh giá các hoạt động của mình, đưa ra đề xuất khen thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị đối với các đóng góp có giá trị và hiệu quả cho hoạt động của Công ty và đề xuất kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị về các hành động làm phương hại hoặc gây tổn thất vật chất hoặc giá trị của Công ty.

4. Ban kiểm soát, khi báo cáo hoạt động hàng năm của mình trước Đại hội đồng cổ đông, cùng với việc đánh giá các hoạt động của mình, đưa ra đề xuất khen thưởng cho thành viên Ban kiểm soát đối với các đóng góp có giá trị và hiệu quả cho hoạt động của Công ty và đề xuất kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát về các hành động làm phương hại hoặc gây tổn thất vật chất hoặc giá trị của Công ty.

5. Khi báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cuối mỗi năm tài chính, Tổng Giám đốc đề xuất Hội đồng quản trị khen thưởng cho người điều hành đối với những đóng góp có giá trị và hiệu quả cho hoạt động của Công ty.

6. Nếu những người điều hành Công ty có các hoạt động làm phương hại hoặc gây tổn thất về vật chất hoặc giá trị của Công ty, Hội đồng quản trị có trách nhiệm thi hành kỷ luật theo quy định của Công ty ngay sau khi vụ việc được kết luận.

7. Các hành vi vi phạm pháp luật sẽ được áp dụng các chế tài theo quy định của pháp luật.

Điều 54. Tổ chức bộ máy đánh giá khen thưởng, kỷ luật

1. Công ty thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật do Tổng Giám đốc làm Chủ tịch Hội đồng, Thành viên Hội đồng gồm đại diện Công đoàn và Giám đốc các phòng chuyên môn có liên quan.

2. Hội đồng thi đua khen thưởng Công ty xây dựng quy chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp với các đối tượng và điều kiện thực tế của Công ty.

Điều 55. Phân cấp đánh giá, khen thưởng và kỷ luật

1. Hội đồng quản trị đề xuất Đại hội đồng cổ đông quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hình thức khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát áp dụng theo các chế độ khen thưởng và kỷ luật của Công ty.

2. Hội đồng thi đua khen thưởng, Hội đồng kỷ luật Công ty quyết định khen thưởng, kỷ luật đối với các cấp còn lại.

3. Quy chế Thi đua khen thưởng, Quy trình xử lý kỷ luật của Công ty do Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

CHƯƠNG VIII CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 56. Công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Tổng Giám đốc xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn sau khi được Hội đồng quản trị thông qua.

2. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin của công ty có trách nhiệm:

a) Công bố các thông tin của công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế về công bố thông tin của công ty.

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

CHƯƠNG IX TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập tới trong Quy chế này hoặc có những quy định của Pháp luật được sửa đổi bổ sung khác với những quy định của Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh trong hoạt động của Công ty.

Điều 58. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 09 chương 58 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện quy chế này, Ban Kiểm soát kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Điều 3. Giải thích thuật ngữ	4
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 6. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	5
Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 9. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	6
Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	6
Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	8
CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	8
Điều 13. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	8
Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	11
Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	11
Điều 16. Phân cấp của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc Công ty.....	12
Điều 17. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.....	13
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	13
Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị	13
Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị	15
Điều 20. Thể thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị.....	15
Điều 21. Biểu quyết.....	16
CHƯƠNG V: BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	16
Điều 22. Trình báo cáo hằng năm	16
Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	17
Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan	17
CHƯƠNG VI: ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	19
Điều 25. Đảm bảo vật chất.....	19
Điều 26. Chỉ định Thư ký Công ty.....	19

CHƯƠNG VII: MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	20
Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị.....	20
Điều 28. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc Công ty.....	20
Điều 29. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	21
Điều 30. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty.....	21
Điều 31. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Công ty con	21
CHƯƠNG VIII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	21
Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Quy chế.....	21
Điều 33. Hiệu lực thi hành	22

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)**
*(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-CHOLIMEX-DHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021 của
Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex))*

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021;

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ

Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "*Công ty*" là Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

2. "*Người điều hành Công ty*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng.

3. "*Các phòng chức năng Công ty và tương đương*" là Phòng, Ban thuộc Công ty.

4. "*Công ty con*" là doanh nghiệp thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Công ty sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần phổ thông của công ty đó;

b) Công ty có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty đó;

c) Công ty có quyền quyết định việc sửa đổi bổ sung điều lệ của công ty đó.

5. "*Đơn vị trực thuộc*" là các đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty, văn phòng đại diện, chi nhánh của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định thành lập.

6. "*Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty*" là doanh nghiệp mà Công ty đầu tư góp vốn và sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) từ 50% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó trở xuống.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận; biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung cuộc họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị về những quyết định của mình;

c) Cùng với thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và thực hiện quản trị Công ty theo quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và theo sự phân công của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

d) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con và doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của công ty;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

g) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ khi có yêu cầu.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Người điều hành Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

2. Người điều hành Công ty phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 6. Thành phần, nhiệm kỳ và cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành phần, nhiệm kỳ, cơ cấu của Thành viên Hội đồng quản trị:

a) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là 07 người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc;

b) Hội đồng quản trị gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 05 thành viên;

c) Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 10 Quy chế này.

3. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa tại 05 công ty khác.

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc Công ty.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt tại Việt Nam hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền hạn, nghĩa và nhiệm vụ theo Điều 26 Quy chế này.

Điều 9. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau:

1. Thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị khi có ủy quyền hoặc khi Chủ tịch vắng mặt.

2. Thực hiện nhiệm vụ của Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị theo sự phân công của Hội đồng quản trị và quy định tại Điều 4 Quy chế này.

Điều 10. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 7 Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- c) Mất năng lực hành vi hoặc hạn chế năng lực hành vi theo quyết định của tòa án.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 11. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ công ty, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 12. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 13. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn, nghĩa vụ và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- d) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Điều lệ Công ty;
- e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 30, khoản 1 và khoản 3 Điều 68 Điều lệ Công ty;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị;

k) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Người điều hành Công ty;

l) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

m) Quyết định và/hoặc phân cấp việc cử người đại diện theo ủy quyền tham gia cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp có vốn góp của công ty;

n) Quyết định và/hoặc phân cấp việc cử người đại diện của Công ty làm đại diện phần vốn góp, tham gia ứng cử thành viên Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị tại doanh nghiệp có vốn góp của Công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

o) Giám sát, chỉ đạo Người điều hành Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

p) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty; việc thành lập, cơ cấu tổ chức Công ty con; việc lập chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty; quyết định việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

q) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

r) Trình báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

s) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

t) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

u) Quyết định ban hành quy chế nội bộ về quản trị Công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt; quyết định ban hành Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ, Quy chế tiền lương, tiền thưởng và thù lao Công ty; phân cấp quyết định các quy chế quản lý nội bộ khác phục vụ quản lý, điều hành Công ty;

v) Phân cấp cho Tổng Giám đốc Công ty các quyền thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, việc phân cấp được quy định tại Điều 16 Quy chế này hoặc bằng văn bản cụ thể;

x) Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 45, Điều 64 Điều lệ này;

b) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo về các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);

đ) Kết quả giám sát đối với Người điều hành Công ty;

e) Các kế hoạch trong tương lai..

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định theo Điều 20 Quy chế này.

5. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê duyệt:

a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

b) Thành lập các Công ty con của Công ty; Các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty con.

c) Các nội dung quy định tại Điều 13 Quy chế này; Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

đ) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

e) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

g) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các Công ty khác có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất kỳ gần nhất đã được kiểm toán;

h) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

i) Việc mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong thời hạn 12 tháng;

k) Quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần;

l) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

6. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với người điều hành Công ty trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

7. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu

trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính hợp nhất gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty và người có liên quan của các đối tượng này;

b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 24 Quy chế này.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 15. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

d) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ công ty;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 16. Phân cấp của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc Công ty

1. Quyết định cơ cấu tổ chức và hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, khen thưởng đối với Giám đốc chức năng Công ty và tương đương, Giám đốc chi nhánh Công ty, Trưởng Văn phòng đại diện Công ty; Ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, quyết định mức lương và lợi ích khác, khen thưởng, kỷ luật chức danh Phó Giám đốc các Phòng chức năng Công ty và tương đương; Phó Giám đốc, Kế toán trưởng chi nhánh, Phó Trưởng văn phòng đại diện.

3. Quyết định các giải pháp về thị trường và công nghệ của Công ty, Công ty con.

4. Quyết định các nội dung liên quan đến việc huy động vốn, thế chấp, cầm cố; đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm, nâng cấp, sửa chữa, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, xử lý tài sản tồn thất; Ký các hợp đồng và thực hiện các giao dịch kinh tế, thương mại thường nhật của Công ty theo phân cấp thẩm quyền quyết định tại Quy chế quản lý tài chính Công ty.

5. Quyết định ban hành Quy chế Hoạt động Đại diện vốn của Công ty, Quy chế làm việc của Ban Tổng Giám đốc, Quy chế về công bố thông tin, Quy chế khen thưởng kỷ luật và các quy chế quản lý nội bộ Công ty trừ các quy chế thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị.

6. Chủ động xây dựng kế hoạch tuyển dụng, sử dụng lao động đáp ứng yêu cầu kế hoạch sản xuất, kinh doanh; việc tuyển dụng, sử dụng lao động đảm bảo công khai, minh bạch theo quy định pháp luật và quy định của Công ty; việc bố trí, sử dụng lao động phải hợp lý, tiết kiệm để tăng năng suất lao động, tiền lương cho CB.NV và đảm bảo lợi nhuận cho Công ty.

7. Đối với Công ty con:

a) Phê duyệt kế hoạch kinh doanh và quỹ lương hàng năm của Công ty con;

b) Quyết định những vấn đề liên quan đến tài chính theo quy định phân cấp tại Quy chế quản lý tài chính Công ty;

c) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty con; Phê duyệt chủ trương cho Hội đồng thành viên Công ty con bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chức danh Phó Tổng Giám đốc Công ty con;

d) Quyết định ban hành Quy chế Quản lý tài chính và Quy chế Quản lý nợ của Công ty con;

đ) Tổng Giám đốc có thể phân cấp bằng văn bản cho Công ty con thực hiện từng dự án cụ thể.

8. Đối với các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty:

a) Thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn thông qua người đại diện vốn tại doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Có ý kiến đối với các vấn đề liên quan đến cơ cấu tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty trừ các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông. Quyết định cử người đại diện vốn, người tham gia Hội đồng thành viên, Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng tại các doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia họp Hội đồng thành viên hoặc họp Đại hội đồng cổ đông ở doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của công ty; quyết định Bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định thù lao và lợi ích khác của người đại diện đó.

c) Yêu cầu người đại diện vốn báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các nội dung khác liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.

d) Giao nhiệm vụ và yêu cầu người đại diện vốn xin ý kiến về những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty trước khi biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; tham gia quản lý điều hành doanh nghiệp theo định hướng và mục tiêu phát triển của Công ty;

đ) Kiểm tra, giám sát hoạt động của người đại diện vốn, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của người đại diện vốn để ngăn chặn, chấn chỉnh kịp thời;

e) Thu lợi tức và xử lý các rủi ro phát sinh từ phần vốn góp tại doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Công ty;

g) Giám sát, kiểm tra việc sử dụng vốn đã góp vào doanh nghiệp;

h) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 17. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban, Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị phụ trách riêng về từng vấn đề như lương, thưởng, nhân sự.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 18. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 19. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản được lập bằng tiếng Việt, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 20. Thể thức thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản

a) Việc lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để thông qua quyết định về một hoặc một số vấn đề được thực hiện trong thời gian giữa hai phiên họp của Hội đồng quản trị;

b) Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến hoặc không lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên Hội đồng quản trị, việc lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản được thực hiện trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày phát hành Phiếu biểu quyết và được quản lý, lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Kết quả lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị được Thư ký Công ty tổng hợp thành biên bản và Nghị quyết;

d) Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp nếu số lượng thành viên Hội đồng quản trị có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Điều 21. Biểu quyết

1. Trừ quy định tại Khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 8 Điều 18 Quy chế này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có 01 phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

3. Theo quy định tại Khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điều 68 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

5. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

CHƯƠNG V BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 22. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán

viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 23. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 24. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện như sau:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty:

a) Công ty mẹ, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ;

b) Công ty con, người quản lý và người đại diện theo pháp luật của công ty con;

c) Cá nhân, tổ chức hoặc nhóm cá nhân, tổ chức có khả năng chi phối hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua sở hữu, đầu tư cổ phần, phần vốn góp hoặc thông qua việc ra quyết định của công ty;

d) Người quản lý doanh nghiệp, người đại diện theo pháp luật, Thành viên Ban Kiểm soát;

đ) Vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu

của người quản lý công ty, người đại diện theo pháp luật, Thành viên Ban Kiểm soát, thành viên và cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;

e) Cá nhân là người đại diện theo ủy quyền của công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b và c khoản này;

g) Doanh nghiệp trong đó cá nhân, công ty, tổ chức quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản này có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Người điều hành Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, và Người điều hành công ty có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, và Người điều hành công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích Công ty.

CHƯƠNG VI ĐIỀU KIỆN LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Đảm bảo vật chất

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý Công ty.

2. Phòng Nhân sự Hành chính Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị, những văn bản của cơ quan cấp trên thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với các thành viên là Người điều hành Công ty, Công ty con và đơn vị trực thuộc Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao.

Điều 26. Chỉ định Thư ký Công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định 01 người làm thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị để giúp việc cho Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

2. Nghĩa vụ và quyền hạn của Thư ký Công ty:

a) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

b) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp, ghi chép các biên bản họp;

c) Tham dự các cuộc họp;

d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao, trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính; Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

e) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

3. Nhiệm vụ của Thư ký Công ty:

a) Theo dõi Chương trình hoạt động của Hội đồng quản trị, lịch công tác của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;

b) Cung cấp thông tin cho thành viên Hội đồng quản trị, chuẩn bị chương trình, tài liệu và cung cấp các tài liệu cho các thành viên Hội đồng quản trị để phục vụ các cuộc họp hoặc xin ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị; ghi chép biên bản, nội dung các cuộc họp làm việc, đàm phán của Hội đồng quản trị;

c) Soạn thảo các văn bản, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; giúp Hội đồng quản trị triển khai, theo dõi, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

d) Tổng hợp trình Hội đồng quản trị các đề nghị, văn bản, tài liệu được gửi cho Hội đồng quản trị;

d) Bảo quản lưu giữ hồ sơ, tài liệu của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

e) Cung cấp và thông báo cho các đối tượng liên quan về các Nghị quyết, văn bản của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Công ty;

g) Tư vấn về thủ tục các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

h) Được trực tiếp làm việc với các Phòng chức năng của Công ty và các đơn vị trực thuộc để giải quyết công việc trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn được giao; chịu trách nhiệm cá nhân trước Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát về công việc được giao;

i) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát giao.

CHƯƠNG VII MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 27. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 28. Mối quan hệ với Tổng Giám đốc Công ty

1. Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện, đồng thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc là người tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; điều hành mọi hoạt động của Công ty theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và đảm bảo lợi ích Công ty.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện hoặc phát sinh những vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng quản trị để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh, bổ sung, Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng được quyền bảo lưu ý kiến.

3. Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng Giám đốc thực hiện các vấn đề thuộc quyền quyết định, phê duyệt của Hội đồng quản trị.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc cử thành viên Hội đồng quản trị tham dự các cuộc họp giao ban hoặc các cuộc họp khác do Tổng Giám đốc chủ trì, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

5. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.

Điều 29. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

a) Ban Kiểm soát thực hiện việc giám sát Hội đồng quản trị trong việc quản lý và điều hành Công ty.

b) Hội đồng quản trị tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c) Việc thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Hội đồng quản trị không gây cản trở hoạt động của Ban Kiểm soát và việc kiểm tra của Ban Kiểm soát không gây gián đoạn việc điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty.

d) Hội đồng quản trị có thể tham khảo ý kiến của Ban Kiểm soát khi ban hành các quy chế, quy định và các quyết định quan trọng. Hội đồng quản trị xử lý các vấn đề do Ban Kiểm soát kiến nghị, trao đổi với Ban Kiểm soát để thống nhất các nội dung sẽ đưa ra Đại hội đồng cổ đông.

2. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị và người điều hành Công ty, Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 30. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với các tổ chức Đảng, Đoàn thể Công ty

1. Hội đồng quản trị tôn trọng và tạo điều kiện cho các tổ chức Đảng, Đoàn thể được thành lập và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ theo Điều lệ của tổ chức đó và phù hợp với Điều lệ Công ty.

2. Hoạt động của các tổ chức Đảng, đoàn thể không gây cản trở và ảnh hưởng đến hoạt động của Hội đồng quản trị và hoạt động của Công ty.

Điều 31. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị với Công ty con

Việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh, hạch toán, tổ chức, nhân sự và các hoạt động khác của Công ty con theo chế độ phân cấp, ủy quyền của Công ty. Chế độ phân cấp, ủy quyền được quy định cụ thể tại Điều lệ Công ty con.

CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Hội đồng quản trị có thể xem xét trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 33. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 8 chương 33 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021.

2. Những nội dung khác về chế độ làm việc, thù lao của Hội đồng quản trị, nếu chưa đề cập trong Quy chế, sẽ thực hiện theo các quy định có liên quan của nhà nước, theo Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2021

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ và của thành viên Ban Kiểm soát	3
Điều 4. Trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Trưởng Ban kiểm soát	5
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT.....	6
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	6
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	8
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	8
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát	8
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	9
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	9
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	9
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	10
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát	10
Điều 21. Mối quan hệ với Người điều hành Công ty	10
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	10
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	10
Điều 23. Sửa đổi bổ sung quy chế.....	10
Điều 24. Hiệu lực thi hành.....	11

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN
(CHOLIMEX)**

(Ban hành theo Nghị quyết số /NQ-CHOLIMEX-ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex))

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2021;

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) bao gồm các nội dung sau:

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát cùng với nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, và Người điều hành Công ty.
4. Không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
7. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử người vào Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 3 Điều 27 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
- d) Ký ban hành quy chế hoạt động Ban kiểm soát sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 57 Điều lệ Công ty;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 của Điều lệ Công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

9. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

10. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

11. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

12. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

13. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty.

14. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

15. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

16. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. Trình báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định.

18. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của Người quản lý Công ty và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 27 Điều lệ Công ty;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với Người điều hành Công ty

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Người điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Người điều hành Công ty.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi bổ sung quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế này, Ban Kiểm soát có thể xem xét trình Đại hội đồng cổ đông quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh

của Công ty, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 7 chương, 24 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 15 tháng 4 năm 2021.

2. Những nội dung khác nếu chưa đề cập trong Quy chế, sẽ thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan, theo Điều lệ và các văn bản khác của Công ty.

3. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm triển khai thực hiện Quy chế này./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Số: 40 /TB-CHOLIMEX-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021

THÔNG BÁO

**Về việc tham gia đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)
nhiệm kỳ II (2021 – 2026)**

Kính gửi: Quý cổ đông Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

Căn cứ quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Điều lệ Công ty (trình Đại hội thông qua),

Để tiến hành thủ tục bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT), thành viên Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ II (2021 – 2026) Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2021 vào ngày 15/4/2021;

Hội đồng quản trị Công ty thông báo đến Quý cổ đông về việc tham gia đề cử, ứng cử thành viên HDQT, BKS Công ty nhiệm kỳ II (2021 – 2026) như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát:

a) Số lượng thành viên HDQT được bầu là : 07 (bảy) thành viên;

b) Số lượng thành viên BKS được bầu là : 03 (ba) thành viên.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện ứng viên tham gia HDQT, BKS:

2.1- Thành viên HDQT phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

2.2- Thành viên BKS phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan.

e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

g) Không thuộc các trường hợp sau:

Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thủ tục đề cử, ứng cử thành viên HĐQT, BKS:

3.1- Quyền đề cử, ứng cử:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT/BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ, HĐQT/BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT/BKS. Việc HĐQT/BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS theo quy định của pháp luật.

3.2- Hồ sơ ứng cử, đề cử:

- Đơn đề cử ứng cử viên vào HĐQT/BKS của cổ đông hoặc biên bản họp nhóm cổ đông (tham khảo mẫu gửi kèm tài liệu họp, đăng tải trên website Công ty: www.cholimex.com.vn mục "Cổ đông – Đại hội đồng cổ đông");

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (tham khảo mẫu gửi kèm tài liệu họp, đăng tải trên website Công ty: www.cholimex.com.vn mục "Cổ đông – Đại hội đồng cổ đông");

- Bản sao hợp lệ CMND hoặc hộ chiếu;

- Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;

- Hình 4*6 01 tấm.

Để thuận lợi cho công tác chuẩn bị và tổ chức bầu cử, công bố thông tin, trường hợp đã xác định được ứng cử viên HĐQT/BKS, Cổ đông hoặc nhóm cổ đông vui lòng gửi hồ sơ ứng cử, đề cử đến Công ty trước ngày **04/4/2021** theo địa chỉ sau:

"Công ty CP Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex), địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, phường 11, quận 5, TP.HCM,

Người nhận Lê Thị Hồng Khoa – Giám đốc Nhân sự Hành chính"

Trân trọng thông báo./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ ĐẦU TƯ
CHỢ LỚN
(CHOLIMEX)
QUẬN 5 - TP. HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Thanh Nhân

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2021



QUY CHẾ

Đề cử, ứng cử và bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ II (2021 – 2026) tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 18/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các Nghị định, Thông tư liên quan;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) được Đại hội cổ đông thông qua (sau đây gọi tắt là Điều lệ Công ty),

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) (sau đây gọi tắt là Đại hội) tiến hành bầu cử thành viên Hội đồng quản trị (HDQT) và thành viên của Ban Kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2021 – 2026 theo các quy định sau đây:

Điều 1. Đối tượng điều chỉnh và phạm vi áp dụng

1. Quy chế này áp dụng cho việc bầu cử thành viên HDQT, thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.

2. Quy chế này áp dụng đối với tất cả cổ đông sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) chốt ngày 15/3/2021 hoặc những người được ủy quyền tham dự họp lệ.

Điều 2. Danh sách bầu cử, nhiệm kỳ và số lượng thành viên HDQT/BKS

1. Ban tổ chức họp Đại hội thu thập hồ sơ đề/ứng cử thành viên HDQT/BKS do cổ đông gửi về trước thời điểm tổ chức kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Số lượng thành viên HDQT nhiệm kỳ 2021 - 2026 là 07 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm, số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026 là 03 thành viên với nhiệm kỳ là 05 năm.

Điều 3. Điều kiện trở thành thành viên HDQT và thành viên BKS

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và Điều lệ Công ty được Đại hội thông qua, điều kiện trở thành thành viên HDQT và thành viên BKS như sau:

1. Thành viên HDQT phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tối đa tại 05 công ty khác.

2. Thành viên BKS phải có đủ tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

e) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.

g) Không thuộc các trường hợp sau:

Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Điều 4. Quyền và Hồ sơ tham gia Đề cử/ứng cử làm thành viên HĐQT/BKS

1. Quyền đề cử/ứng cử:

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 ứng viên; từ 60% trở lên được đề cử tối đa 08 ứng viên.

b) Trường hợp số lượng ứng cử viên HĐQT/BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ, HĐQT/BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT/BKS. Việc HĐQT/BKS đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên HĐQT/BKS theo quy định của pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tiêu chuẩn ứng cử viên HĐQT và BKS theo quy định tại Điều lệ công ty được thông qua tại phiên họp này.

3. Hồ sơ tham gia đề cử/ứng cử thành viên HĐQT/BKS bao gồm:

- Đơn đề cử ứng cử viên vào HĐQT/BKS của cổ đông hoặc biên bản họp nhóm cổ

đồng (tham khảo mẫu gửi kèm tài liệu họp, đăng tải trên website Công ty: www.cholimex.com.vn mục “Cổ đông – Đại hội đồng cổ đông”);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (tham khảo mẫu gửi kèm tài liệu họp, đăng tải trên website Công ty: www.cholimex.com.vn mục “Cổ đông – Đại hội đồng cổ đông”);

- Bản sao hợp lệ CMND hoặc hộ chiếu;

- Bản sao hợp lệ Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn);

- Bản sao hợp lệ các bằng cấp, văn bằng chứng chỉ chứng nhận trình độ văn hóa, trình độ chuyên môn;

- Hình 4*6: 01 tấm.

4. Hồ sơ đề cử, ứng cử phải được gửi tới Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) trước ngày 04/4/2021:

Nơi nhận: Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Địa chỉ: 631-633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (84-8) 38547100 – 38555674

Fax: (84-8) 38555682

5. Dựa trên các Đơn đề cử ứng cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Ban tổ chức Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu thành viên HĐQT và thành viên BKS tại Đại hội.

Điều 5. Phiếu bầu cử/Bỏ phiếu điện tử

Cổ đông thực hiện bầu cử bằng Phiếu bầu cử hoặc bỏ phiếu điện tử:

1. Phiếu bầu cử:

a) Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội có 01 phiếu bầu cử HĐQT và 01 phiếu bầu BKS. Giá trị biểu quyết của mỗi phiếu bầu tương ứng với tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết mà cổ đông nắm giữ trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty tại thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Phiếu bầu cử thành viên HĐQT và BKS được in sẵn họ tên các ứng cử viên, sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái, do Ban tổ chức Đại hội phát hành và được đóng dấu treo của Công ty.

b) Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội phát hành, có ghi mã số cổ đông, số cổ phần sở hữu/đại diện có quyền biểu quyết và các yếu tố kỹ thuật khác giúp cho việc kiểm đếm chính xác, thuận tiện.

Cổ đông/đại diện cổ đông khi được phát phiếu bầu cử phải kiểm tra lại mã số và số cổ phần có quyền biểu quyết ghi trên phiếu bầu cử, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu để được đổi phiếu khác.

2. Bỏ phiếu điện tử:

Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có mặt tại Đại hội có thể chọn hình thức bỏ phiếu điện tử thay cho Phiếu bầu cử. Cách thức bỏ phiếu điện tử, cổ đông tham khảo trong tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông (đăng tải trên website Công ty: www.cholimex.com.vn mục “Cổ đông – Đại hội đồng cổ đông”) và Ban kiểm phiếu sẽ hướng dẫn trực tiếp tại Đại hội.

Giá trị biểu quyết của bỏ phiếu điện tử tương tự như Phiếu bầu cử. Danh sách họ tên các ứng cử viên bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thể hiện trên ứng dụng di động Cholimex. Cổ đông thao tác bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trực tiếp trên ứng dụng di động Cholimex thay cho Phiếu bầu cử

307E
NG T
PHAI
NHAP
DAU T
KY LO
OLIM
PHO

Điều 6. Nguyên tắc bầu cử

- a) Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty; đảm bảo dân chủ, công bằng;
- b) Bầu cử trực tiếp bằng Phiếu bầu cử hoặc bỏ phiếu điện tử.

Điều 7. Phương pháp bầu cử

1. Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội thông qua, việc bầu thành viên HĐQT và BKS được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu/hoặc đại diện nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS. Cụ thể:

- a) Số lượng thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026 : **07 thành viên;**
- b) Số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2021-2026 : **03 thành viên.**

2. Tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông được tính như sau:

a) Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT: là số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông **nhân với 07** thành viên HĐQT được bầu.

b) Tổng số phiếu bầu thành viên BKS: là số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông **nhân với 03** thành viên BKS được bầu.

3. Phương thức bầu cử:

a) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền bầu dồn phiếu cho một hoặc tối đa là **07 người** (đối với bầu thành viên HĐQT) và cho một hoặc tối đa **03 người** (đối với bầu thành viên BKS) trong danh sách ứng cử viên được thể hiện trên phiếu bầu cử/Phiếu điện tử

b) Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có quyền:

- Dồn toàn bộ số phiếu bầu của mình cho một người hoặc:
- Có thể chia đều số phiếu bầu cho tất cả **07 người** (đối với bầu thành viên HĐQT) và **03 người** (đối với bầu thành viên BKS) hoặc:
- Có thể chia số phiếu bầu cho ít hơn **07 người** (đối với bầu thành viên HĐQT) và ít hơn **03 người** (đối với bầu thành viên BKS).
- Cổ đông hoặc đại diện cổ đông phải đảm bảo tổng số phiếu bầu trên mỗi lá phiếu bầu thành viên HĐQT và BKS cộng lại không được vượt quá Tổng số phiếu bầu của cổ đông như đã hướng dẫn tại khoản 2 Điều này.

(Tham khảo Hướng dẫn bầu dồn phiếu đính kèm)

Điều 8. Quy định về phiếu bầu hợp lệ và không hợp lệ

1. Phiếu bầu hợp lệ khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Phiếu bầu cho các ứng viên có tên trong danh sách đã được Đại hội thông qua;
- b) Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu);
- c) Không thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Phiếu bầu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Phiếu không có dấu treo hoặc không phải do mẫu của Ban tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) phát hành;
- b) Phiếu không bầu cho bất kỳ ai trong danh sách ứng cử viên;

- c) Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung (trường hợp viết sai thì phải đổi lại phiếu mới)
- d) Phiếu có viết thêm tên người ngoài danh sách ứng cử viên đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- đ) Phiếu có tổng cộng số phiếu bầu cử vượt quá tổng số phiếu được quyền bầu cử của cổ đông.
- e) Phiếu bầu nhiều hơn số lượng cần bầu.

Điều 9. Điều kiện trúng cử

1. Thành viên HĐQT và thành viên BKS trúng cử sẽ được xác định theo số phiếu bầu hợp lệ tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho tới khi đủ số thành viên được thông qua tại Đại hội.

2. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.

3. Nếu sau khi bầu lần 2 vẫn chưa đủ thì Đại hội sẽ biểu quyết bầu lại lần 3 hoặc đề khuyết thành viên HĐQT hoặc BKS và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội tiếp theo theo quyết định của Chủ tọa Đại hội.

Điều 10. Trách nhiệm của Ban kiểm phiếu

1. Thực hiện kiểm phiếu một cách trung thực, chính xác, đầy đủ và chịu trách nhiệm trước Chủ tọa phiên họp và toàn thể Đại hội đồng cổ đông. Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Trước khi mở thùng phiếu, Ban kiểm phiếu phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu không sử dụng đến.

2. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản về kết quả kiểm phiếu và công bố trước Đại hội. Biên bản và toàn bộ phiếu bầu phải được niêm phong và giao lại cho Chủ tọa phiên họp. Niêm phong của các phiếu bầu chỉ được mở ra khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có 11 Điều, được đọc trước Đại hội đồng cổ đông và lấy ý kiến biểu quyết của các cổ đông dự họp trước khi tiến hành bầu cử.

BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

HƯỚNG DẪN BẦU DÒN PHIẾU

Căn cứ khoản 3 điều 148 Luật Doanh nghiệp quy định “việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên”.

* **Nguyên tắc bầu dồn phiếu:** Tổng số phiếu bầu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông được tính như sau:

- Tổng số phiếu bầu thành viên HĐQT: là số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông nhân với 07 thành viên HĐQT được bầu.

- Tổng số phiếu bầu thành viên BKS: là số cổ phần sở hữu của cổ đông hoặc đại diện cổ đông nhân với 03 thành viên BKS được bầu.

* **Nguyên tắc đánh phiếu bầu:**

- Phiếu bầu cử phải ghi rõ số lượng phiếu bầu cho các ứng cử viên, không được đánh dấu stickmark (dấu x), hay bỏ trống và chỉ điền số lượng tổng cộng số phiếu bầu

- Cổ đông có thể cộng dồn toàn bộ cổ phần cho một người hoặc một số người nhưng không được vượt quá số lượng thành viên HĐQT/BKS cần bầu, và số lượng cổ phần bầu cho các ứng cử viên tùy thuộc vào sự tín nhiệm của mỗi cổ đông cho ứng cử viên đó.

- Tổng cộng số phiếu thực hiện bầu: không được vượt quá số tổng số phiếu bầu.

Ví dụ:

Số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện là 500 cp

Số lượng thành viên HĐQT cần bầu: trong trường hợp này là 7

Tổng số phiếu bầu là $500 \times 7 = 3.500$

Xin giới thiệu một số cách bỏ phiếu như sau:

STT	Tên ứng cử viên	Số phiếu bầu					
		Cách 1	Cách 2	Cách 3	Cách 4	Cách 5	Cách 6
1	Ứng viên 1	3.500	500	200	0	700	1000
2	Ứng viên 2	0	500	0	0	800	500
3	Ứng viên 3	0	500	800	0	700	500
4	Ứng viên 4	0	500	1.000	0	500	500
5	Ứng viên 5	0	500	0	0	200	500
6	Ứng viên 6	0	500	0	0	300	500
7	Ứng viên 7	0	500	500	0	200	500
8	Ứng viên 8	0	0	0	0	100	0
	Tổng Cộng	3.500	3.500	2.500	0	3.500	4.000
		Phiếu bầu hợp lệ			Phiếu bầu không hợp lệ		



CHOLIMEX

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

ĐT: (84-28) 38547102 Fax: 84-28) 38555682

Website: www.cholimex.com.vn



ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Tên cổ đông (Tổ chức/ Cá nhân):

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Địa chỉ:

Người đại diện theo pháp luật (nếu có):

Hiện đang sở hữu/đại diện: cổ phần (Bằng chữ:))

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá là (đồng):

Đề nghị Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) cho tôi/Công ty tôi được đề cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:

Địa chỉ thường trú:

Trình độ học vấn: Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:))

Tương ứng tổng giá trị theo mệnh giá: đồng.

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) nhiệm kỳ năm 2021 – 2026 được bầu cử trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 15/4/2021.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2021

CÓ ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

Ghi chú:

1. Đề nghị Quý cổ đông gửi hồ sơ đề cử này trước ngày 04/4/2021 bằng hình thức gửi thư trực tiếp về:

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

2. Hồ sơ kèm theo:

2.1 Sơ yếu lý lịch ứng viên;

2.2 Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn); Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

ĐT: (84-28) 38547102 Fax: 84-28) 38555682

Website: www.cholimex.com.vn



Mẫu đề cử theo nhóm

**ĐƠN ĐỀ CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Kính gửi: Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Hôm nay, ngày....., tại
chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) cùng nhau năm giữ CP (Bằng chữ:....., chiếm tỷ lệ.....% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty (có tên trong Danh sách đính kèm) cùng nhất trí đề cử như sau:

- Ông (Bà):
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:
 Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
 Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)
 Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):
- Ông (Bà):
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:
 Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Trình độ học vấn: Chuyên ngành:
 Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)
 Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Làm ứng cử viên tham gia vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) nhiệm kỳ 2021 – 2026 được bầu cử trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 15/4/2021

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

- Ông (Bà):
 CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:
 Nơi cấp:
 Địa chỉ thường trú:
 Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:.....)
 Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

ĐT: (84-28) 38547102 Fax: 84-28) 38555682

Website: www.cholimex.com.vn

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex).

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm 2021

ĐẠI DIỆN NHÓM CỔ ĐÔNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Đề nghị Quý cổ đông gửi hồ sơ đề cử này trước ngày 04/4/2021 bằng hình thức gửi thư trực tiếp về:

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

2. Hồ sơ kèm theo:

2.1 Sơ yếu lý lịch ứng viên;

2.2 Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn); Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

ĐT: (84-28) 38547102 Fax: 84-28) 38555682

Website: www.cholimex.com.vn



**BIÊN BẢN HỢP NHÓM CỔ ĐÔNG
ĐỀ CỬ ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

- Căn cứ Quy định đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị/ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex),

Hôm nay, ngày..... tại, chúng tôi là những cổ đông của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex), cùng nhau nắm giữ.....cổ phần (bằng chữ: cổ phần), chiếm tỷ lệ% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, có tên trong Danh sách dưới đây:

STT	Tên Cổ đông	CMND/CCCD/HỘ CHIẾU/ĐKKD	Địa chỉ thường trú	Số CP sở hữu /đại diện SH	Ký và ghi rõ họ tên
Tổng cộng					

Sau khi tham khảo quy định về đề cử, ứng cử của Công ty, chúng tôi cùng nhất trí đề cử ứng cử viên sau đây tham gia vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 như sau:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (Bằng chữ:)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

ĐT: (84-28) 38547102 Fax: 84-28) 38555682

Website: www.cholimex.com.vn

Hồ sơ kèm theo:

1. Sơ yếu lý lịch ứng viên.
2. Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/ CCCD/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn); Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.
3. Thư cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên một cách trung thực, khẩn cần, có phương án rõ ràng, vì lợi ích công ty.

Đồng thời chúng tôi thống nhất cử:

Ông (Bà):

CMND/CCCD/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn:..... Chuyên ngành:

Hiện đang sở hữu: cổ phần (*Bằng chữ:*)

Tương ứng với tổng mệnh giá là (đồng):

Làm đại diện nhóm để thực hiện các thủ tục đề cử theo đúng Quy định về việc tham gia đề cử vào Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Biên bản này được lập vào lúc giờ, ngày /...../..... tại.....

Chúng tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

....., ngày tháng năm 2021

CÓ ĐÔNG

(người được đề cử đại diện nhóm)

(*Ký và ghi rõ họ tên*)¹

¹Đối với cổ đông pháp nhân:

- Người đại diện theo Pháp luật ký tên và đóng dấu, hoặc
- Trưởng hợp pháp nhân cử đại diện góp vốn (đại diện theo ủy quyền) thì người đại diện ký tên và đính kèm các văn bản cử người đại diện theo quy định.



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

ĐT: (84-28) 38547102 Fax: 84-28) 38555682

Website: www.cholimex.com.vn



ĐƠN ỨNG CỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/BAN KIỂM SOÁT
Nhiệm kỳ 2021 - 2026

Kính gửi: Công ty CP Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)

Tên tôi là:.....

CMND/CCCD/Hộ chiếu/ĐKKD số:

Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Địa chỉ thường trú:.....

Trình độ học vấn..... chuyên ngành.....

Số cổ phần sở hữu : cổ phần (chiếm% vốn điều lệ)

Căn cứ Tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng Quản trị/Ban kiểm soát, tôi xin ứng cử làm ứng viên tham gia vào Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) nhiệm kỳ 2021 - 2026 được bầu cử trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 vào ngày 15/4/2021.

Tôi xin cam kết chấp hành đúng mọi quy định của Quy chế làm việc và hoạt động của Hội đồng Quản trị Công ty.

Tôi cam đoan những thông tin tôi cung cấp là đúng sự thật và tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ gửi kèm.

Trân trọng cảm ơn!

....., ngày tháng năm 2021

NGƯỜI ỨNG CỬ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

1. Đề nghị Quý cổ đông gửi hồ sơ đề cử này **trước ngày 04/4/2021** bằng hình thức gửi thư trực tiếp về:

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631 – 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM

2. Hồ sơ kèm theo:

2.1 Sơ yếu lý lịch ứng viên;

2.2 Bản sao hợp lệ các giấy tờ sau: CMND/CCCD/Hộ chiếu; Hộ khẩu thường trú (hoặc giấy đăng ký tạm trú dài hạn); Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SƠ YẾU LÝ LỊCH

ỨNG CỬ VIÊN THAM GIA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ / BAN KIỂM SOÁT
CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

NHIỆM KỲ 2021 - 2026

1/ Họ và tên:

2/ Giới tính:

3/ Ngày tháng năm sinh:

4/ Nơi sinh:

5/ Số CMND/CCCD/Hộ chiếu số:

Ngày cấp: Nơi cấp:

6/ Quốc tịch:

7/ Dân tộc:

8/ Địa chỉ thường trú:

9/ Chỗ ở hiện tại:

10/ Số điện thoại liên lạc:

11/ Địa chỉ Email:

12/ Trình độ học vấn:

13/ Trình độ chuyên môn:

14/ Quá trình công tác:

Từ tháng, năm đến tháng, năm	Chức danh, chức vụ, đơn vị công tác

15/ Chức vụ hiện nay tại Công ty Cholimex:

16/ Các chức vụ mà ứng viên hiện đang nắm giữ khác (TV HĐQT; TGD/GD và các chức danh khác):

17/ Số CP nắm giữ tại thời điểm 15/3/2021: cổ phần, chiếm.....% vốn điều lệ, trong đó

+ Đại diện (tên Tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/ tổ chức khác) sở hữu:cổ phần, chiếm.....% vốn điều lệ

+ Cá nhân sở hữu:cổ phần, chiếm.....% vốn điều lệ

18/ Các cam kết nắm giữ (nếu có):

19/ Báo cáo đánh giá về đánh giá đóng góp ứng cử viên cho Công ty Cholimex (áp dụng đối với các ứng viên đang là thành viên HĐQT/BKS Cholimex tiếp tục tái ứng cử)

20/ Danh sách người có liên quan của người khai

TT	Tên cá nhân/ tổ chức có liên quan	Số CMND/ CCCD/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số GĐKKD Doanh nghiệp	Số lượng CP/CCQ nắm giữ, tỷ lệ sở hữu trên vốn điều lệ của Công ty (nếu có)	Mối quan hệ/ chức vụ

21/ Lợi ích liên quan đối với Công ty Cholimex (nếu có):

22/ Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty Cholimex (nếu có):

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

....., ngày tháng..... năm 2021

NGƯỜI KHAI

(Ký tên, ghi rõ họ tên)



**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2021

PHIẾU BIỂU QUYẾT

Họ và tên cổ đông:

Mã cổ đông:

Số cổ phần biểu quyết:

Biểu quyết các nội dung tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) như sau:

CÁC NỘI DUNG CẦN BIỂU QUYẾT

STT	Nội dung biểu quyết	Tán thành	Không tán thành	Không có ý kiến
1	Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và Kế hoạch Đầu tư - Kinh doanh năm 2021.			
2	Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Hội đồng quản trị; Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020.			
3	Tờ trình về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động lần 3, Quy chế nội bộ về quản trị lần 2, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex)			
4	Báo cáo tài chính hợp nhất niên độ năm 2020 đã kiểm toán			
5	Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020			
6	Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020			
7	Tờ trình thông qua lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021			
8	Tờ trình thông qua phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021			
9	Các nội dung phát sinh khác (nếu có)			

Lưu ý:

- Cổ đông biểu quyết bằng cách đánh dấu (x) hoặc (✓) vào 1 trong 3 ô biểu quyết "Tán thành", "Không tán thành", "Không có ý kiến".

- Phiếu biểu quyết không có đánh dấu (x) hoặc (✓) vào ô biểu quyết nào mặc nhiên được xem như không có ý kiến.

CỔ ĐÔNG

Số: **INO-CHOLIMEX-ĐHĐCĐ**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2021



ĐẠI HỘI ĐỒNG CỐ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỐ ĐỒNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex);

Căn cứ Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) ngày 15 tháng 4 năm 2021,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh – đầu tư năm 2020 với một số chỉ tiêu chủ yếu sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Thực hiện so với Kế hoạch
1	Tổng doanh thu hợp nhất	480,00	597,54	124,49%
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	128,40	171,40	133,49%
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	111,50	151,24	135,64%
4	Lợi nhuận phân phối	78,10	97,137	124,38%
5	Cổ tức	Không chia cổ tức	Không chia cổ tức	-

Điều 2. Thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.

Điều 3. Thông qua Báo cáo phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2020 như sau:

Đvt: Tỷ đồng

STT	Nội dung	Tỷ lệ trích lập	Thành tiền
	Lợi nhuận phân phối	100%	97,137
1	Quỹ khen thưởng, phúc lợi CNV	5%	4,857
2	Quỹ phúc lợi XH	0,7%	0,680

3	Quỹ hoạt động của HDQT và BKS	1,82%	1,768
4	Thưởng vượt kế hoạch (15% lợi nhuận vượt kế hoạch nhưng không quá 200% mức thưởng vượt kế hoạch thực hiện năm 2019)	2,94%	2,856
5	Lợi nhuận còn giữ lại bổ sung vốn kinh doanh	89,54%	86,976

Điều 4. Thông qua Báo cáo hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị; Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020.

Điều 5. Thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán năm 2021 như sau:

1. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát để thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty theo quy định của pháp luật và giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với công ty kiểm toán được lựa chọn.

2. Công ty kiểm toán được lựa chọn là công ty kiểm toán hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, nằm trong danh sách các doanh nghiệp kiểm toán đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán của Bộ Tài chính; có uy tín về chất lượng kiểm toán; có mức phí kiểm toán phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của Công ty, cụ thể sẽ chọn một trong 3 đơn vị kiểm toán sau:

- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A & C.
- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam.
- Công ty TNHH Deloitte VN.

Điều 7. Thông qua kế hoạch kinh doanh – đầu tư năm 2021:

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2021
1	Tổng doanh thu hợp nhất	Tỷ đồng	540,00
2	Lợi nhuận hợp nhất trước thuế	Tỷ đồng	160,00
3	Lợi nhuận hợp nhất sau thuế	Tỷ đồng	142,50
4	Lợi nhuận phân phối	Tỷ đồng	86,00

Điều 8. Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ năm 2021 như sau:

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) đã được Đại hội biểu quyết thông qua và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (Cholimex) có trách nhiệm triển khai thi hành nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như điều 14;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Tp.HCM;
- Cổ đông Công ty;
- Lưu hồ sơ Đại hội;
- Lưu VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Trần Thị Thanh Nhân